

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên :Trần Thị Minh Tâm

Giảng viên hướng dẫn:TS. Giang Thị Xuyên

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN HẠCH TOÁN
CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN
PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
XÂY DỰNG NAM ANH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên :Trần Thị Minh Tâm

Giảng viên hướng dẫn: TS. Giang Thị Xuyên

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Minh Tâm

Mã SV:110087

Lớp: QT1104k

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán hạch toán và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

Hoàn thiện công tác kế toán hạch toán và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu kế toán năm 2010 tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng
Nam Anh

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP.....	4
1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	4
1.1.1 Những vấn đề chung về chi phí sản xuất	4
1.1.1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	4
1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất.....	5
1.1.1.3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	8
1.1.1.4. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.....	9
1.1.2. Những vấn đề chung về giá thành sản phẩm	11
1.1.2.1. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	11
1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm.....	12
1.1.2.3. Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành	14
1.1.2.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	15
1.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	19
1.2.1. Kế toán chi phí sản xuất.....	20
1.2.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	20
1.2.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	21
1.2.1.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.	22
1.2.1.4. Kế toán chi phí sản xuất chung	24
1.2.2. Tập hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp	28
1.2.2.1. Tập hợp chi phí sản xuất	28
1.2.2.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang.....	28

1.3. Đặc điểm kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán.....	30
1.3.1. Hình thức Nhật Ký Chung	30
1.3.2. Hình thức Nhật Ký – Sổ cái	32
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	33
1.3.4. Hình thức Nhật Ký – Chứng từ.....	34
1.3.5. Hình thức dùng máy vi tính	35
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CP TVTKXD NAM ANH	36
2.1. Tổng quan về Công ty CP TVTKXD Nam Anh.....	36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	36
2.1.2. Chức năng và ngành nghề kinh doanh Công ty CP TVTKXD Nam Anh	37
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn mà công ty đã đạt được	37
2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất tại Công ty CP TVTKXD Nam Anh.	38
2.1.4.1 Tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty.....	38
2.1.4.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	38
2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	40
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	40
2.1.5.2 Tổ chức hệ thống tài khoản và hệ thống báo cáo kế toán.....	42
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.	43
2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí	43
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	44
2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	44

2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	44
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	45
2.2.3.1. Kỳ tính giá thành.....	45
2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	45
2.2.4. Nội dung, trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.	45
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.	45
2.2.4.2 . Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.....	54
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.....	63
2.2.4.4. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.....	66
2.2.4.5. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.....	73
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CP TVTKXD NAM ANH.....	79

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí

sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty	79
3.1.1. Ưu điểm.....	79
3.1.2. Hạn chế	80
3.2. Tính tất yếu, yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP TVTKXD Nam Anh.....	82
3.2.1. Tính tất yếu.....	82
3.2.2. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện.....	83
3.3. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty CP TVTKXD Nam Anh	84
3.3.1. Kiến nghị 1:	84
3.3.2. Kiến nghị 2:	86
3.3.3. Kiến nghị 3:.....	87
3.3.4. Kiến nghị 4:	87
3.3.5. Kiến nghị 5:	88
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty CP TVTKXD Nam Anh.....	89
3.4.1. Về phía Nhà nước.....	89
3.4.2. Về phía doanh nghiệp.....	89
KẾT LUẬN.....	91

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Năm 2010, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh những điểm sáng thể hiện thành tựu đạt được nền kinh tế vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế và thách thức, lạm phát có những diễn biến phức tạp, và ngày một tăng cao vào những tháng cuối năm. Báo động hơn là việc sử dụng vốn đầu tư của toàn xã hội chưa hiệu quả, còn nhiều lãng phí, thất thoát. Chung tay cùng với Nhà nước trong việc tìm ra giải pháp cải thiện nền kinh tế, ngành xây dựng cơ bản – một ngành mũi nhọn thu hút khối lượng vốn đầu tư của cả nước cũng nỗ lực tìm hướng đi tốt hơn trong thị trường Việt nam và thế giới. Thành công của ngành xây dựng trong những năm qua đã tạo tiền đề không nhỏ thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với đặc trưng của ngành xây dựng cơ bản là vốn đầu tư lớn, thời gian thi công dài, qua nhiều khâu nên vấn đề đặt ra là làm sao phải quản lý vốn tốt, có hiệu quả, đồng thời khắc phục được tình trạng thất thoát, lãng phí trong quá trình sản xuất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Để giải quyết vấn đề nói trên, công cụ hữu hiệu và đặc lực mà mỗi doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng cần có là các thông tin phục vụ cho quản lý, đặc biệt là các thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất được tập hợp một cách chính xác kết hợp với việc tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm sẽ làm lành mạnh hóa các mối quan hệ kinh tế tài chính trong doanh nghiệp, góp phần tích cực vào việc sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư.

Xuất phát từ những vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh, em đã chọn đề tài “ *Hoàn thiện công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*”.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.
- Nắm bắt được thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.
- Đề xuất những kiến nghị nhằm từng bước hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Tìm hiểu lý luận chung về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.
- Nghiên cứu thực trạng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.
- Tìm ra những hạn chế, nghiên cứu giải pháp và đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty.

5. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, nội dung của khóa luận bao gồm 3 chương:

Chương I: *Lý luận chung về công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp xây lắp*

Chương II: *Thực trạng công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh*

Chương III: *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ Phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh*

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1.1.1 Những vấn đề chung về chi phí sản xuất

1.1.1.1 Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất

➤ **Khái niệm về chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất là tổng số các hao phí lao động và lao động vật hóa được biểu hiện bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Chi phí của doanh nghiệp sản xuất xây lắp bao gồm chi phí sản xuất xây lắp và chi phí sản xuất ngoài xây lắp. Các chi phí sản xuất xây lắp cấu thành giá thành sản phẩm xây lắp.

Chi phí sản xuất xây lắp là toàn bộ các chi phí sản xuất phát sinh trong lĩnh vực hoạt động sản xuất xây lắp, nó là bộ phận cơ bản để hình thành giá thành sản phẩm xây lắp.

➤ **Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất**

Để tiến hành sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải có đủ 3 yếu tố cơ bản là:

- Đối tượng lao động
- Tư liệu lao động
- Sức lao động

Tương ứng với các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh là các chi phí sản xuất kinh doanh nói chung của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí về các loại đối tượng lao động (nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ...).
- Chi phí về các loại tư liệu lao động chủ yếu (tài sản cố định).

- Chi phí về lao động (chi phí nhân công).
- Chi phí về các loại dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí khác bằng tiền.

Trong nền kinh tế thị trường, các chi phí trên đều được đo lường, tính toán bằng tiền, gắn với thời gian nhất định.

Độ lớn của chi phí sản xuất là một đại lượng xác định phụ thuộc vào hai nhân tố chính:

- Khối lượng lao động và tư liệu sản xuất đã tiêu hao vào sản xuất sản phẩm trong một thời gian nhất định.
- Giá cả tư liệu sản xuất đã tiêu dùng và tiền lương của một đơn vị lao động đã hao phí.

Vì vậy: thực chất của chi phí sản xuất là sự chuyển dịch vốn, chuyển dịch giá trị của các yếu tố đầu vào tập hợp cho từng đối tượng tính giá thành.

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

➤ Xét ở góc độ kế toán tài chính

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí

Theo cách phân loại này các chi phí sản xuất được chia thành các yếu tố chi phí sau:

- **Chi phí nguyên liệu, vật liệu:** Gồm toàn bộ các loại các giá trị nguyên liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản, dụng cụ,... mà doanh nghiệp đã thực sự sử dụng cho hoạt động sản xuất.
- **Chi phí nhân công:** Là toàn bộ số tiền lương, tiền công phải trả, tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ của công trình, viên chức trong doanh nghiệp.
- **Chi phí khấu hao TSCĐ:** Là toàn bộ giá trị khấu hao phải trích của các TSCĐ sử dụng trong doanh nghiệp.

- **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả về các dịch vụ mua từ bên ngoài: Tiền điện, tiền nước, tiền điện, tiền điện thoại... phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Chi phí khác bằng tiền:** Gồm toàn bộ chi phí khác dùng cho hoạt động sản xuất – kinh doanh ở doanh nghiệp ngoài các yếu tố chi phí trên như chi phí tiếp khách, hội họp, hội nghị...

Tùy theo yêu cầu quản lý, các chi phí có thể được phân loại chi tiết hơn như: Chi phí vật liệu chính, chi phí vật liệu phụ, chi phí nhiên liệu, chi phí năng lượng,...

Với cách phân loại này các doanh nghiệp biết được cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi phí sản xuất, xây dựng kế hoạch cung ứng, đảm bảo các yếu tố chi phí sản xuất..., làm cơ sở cho việc tính toán thu nhập quốc dân...

❖ **Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí**

Cách phân loại này dựa trên công dụng của chi phí trong quá trình sản xuất và phương pháp tập hợp chi phí có tác dụng tích cực cho việc phân tích giá thành theo khoản mục chi phí. Mục đích của cách phân loại này để tìm ra các nguyên nhân làm thay đổi giá thành so với định mức và đề ra các biện pháp hạ giá thành sản phẩm.

Theo cách phân loại này chi phí sản xuất trong doanh nghiệp bao gồm:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** là giá trị thực tế của các loại nguyên, nhiên vật liệu sử dụng trực tiếp cho sản xuất xây lắp.

- **Chi phí nhân công trực tiếp:** bao gồm các khoản tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất. Các khoản phụ cấp lương, tiền ăn ca, tiền công phải trả cho lao động thuê ngoài cũng được hạch toán vào khoản mục này.

- **Chi phí sử dụng máy thi công:**

+ Chi phí thường xuyên sử dụng máy thi công.

+ Chi phí tạm thời sử dụng máy thi công.

- **Chi phí sản xuất chung:** Bao gồm các chi phí phát sinh ở đội, bộ phận sản xuất ngoài các chi phí sản xuất trực tiếp như:

+ Chi phí nhân viên quản lý đội sản xuất gồm lương chính, lương phụ và các khoản tính theo lương của nhân viên quản lý đội(bộ phận sản xuất).

+ Chi phí vật liệu gồm giá trị nguyên vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, các chi phí công cụ, dụng cụ,... ở đội xây lắp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng tại đội xây lắp, bộ phận sản xuất.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí điện, nước, điện thoại sử dụng cho sản xuất và quản lý ở đội xây lắp(bộ phận sản xuất).

+ Các chi phí bằng tiền khác.

❖ **Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

Ở phạm vi kế toán tài chính căn cứ vào mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất người ta chia thành:

- *Chi phí sản xuất trực tiếp*

- *Chi phí sản xuất gián tiếp*

Việc phân loại chi phí sản xuất theo tiêu thức này giúp cho các doanh nghiệp xác định được kỹ thuật, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất vào các đối tượng một cách hợp lý để phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được nhanh chóng, đảm bảo độ chính xác cao, điều kiện cần thiết cho quản trị doanh nghiệp.

❖ **Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất, chế tạo sản phẩm, thực hiện lao dịch vụ**

Theo tiêu thức này, người ta chia thành:

- *Chi phí sản xuất cơ bản* (những chi phí có mối quan hệ trực tiếp với quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm)
- *Chi phí sản xuất chung* (những chi phí có mối quan hệ gián tiếp với quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm).

Cách phân loại này cũng giúp cho doanh nghiệp xác định được phương pháp tập hợp hoặc phân bổ chi phí sản xuất vào các đối tượng chịu chi phí một cách giản đơn và hợp lý.

➤ **Xét ở góc độ kế toán quản trị**

❖ **Căn cứ vào mối quan hệ giữa chi phí sản xuất với khối lượng hoạt động**

- *Biến phí* (chi phí biến đổi)
- *Định phí* (chi phí cố định)
- *Chi phí hỗn hợp*

❖ **Phân loại chi phí sản xuất theo thẩm quyền ra quyết định**

- *Chi phí sản xuất được kiểm soát*
- *Chi phí sản xuất không kiểm soát*

❖ **Phân loại chi phí sản xuất cho việc lựa chọn phương án**

- *Chi phí cơ hội*
- *Chi phí chìm*
- *Chi phí chênh lệch*

1.1.1.3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà chi phí sản xuất cần tập hợp theo đó. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất có thể là nơi phát sinh chi phí (đội sản xuất xây lắp) hoặc nơi chịu chi phí (công trình, hạng mục công trình xây lắp).

Để xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí và yêu cầu cung cấp số liệu để tính giá thành sản phẩm xây lắp cần căn cứ vào:

- Công dụng của chi phí
- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp
- Yêu cầu quản lý chi phí sản xuất trong từng doanh nghiệp
- Đối tượng giá thành trong từng doanh nghiệp
- Trình độ của các nhà quản lý doanh nghiệp và trình độ của cán bộ kế toán doanh nghiệp

1.1.1.4. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất

➤ Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất

Tuỳ theo điều kiện cụ thể, có thể vận dụng phương pháp tập hợp trực tiếp hoặc phương pháp phân bổ gián tiếp.

- *Phương pháp tập hợp trực tiếp*: Được sử dụng đối với các khoản chi phí trực tiếp – là những chi phí có liên quan trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định. Công tác hạch toán, ghi chép ban đầu cho phép quy nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

- *Phương pháp phân bổ gián tiếp chi phí sản xuất* : áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí nên không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Vì vậy, theo phương pháp này trước hết tập hợp toàn bộ chi phí sau đó tiến hành phân bổ cho từng đối tượng cụ thể. Tiêu thức sử dụng để phân bổ đảm bảo được mối quan hệ tương quan giữa chi phí phân bổ và đối tượng chịu chi phí. Trên cơ sở tiêu thức phân bổ và chi phí cần phân bổ ta có công thức sau:

$$H = C / t_i$$

Trong đó:

H : Hệ số chi phí phân bổ

C : Tổng chi phí đã tổng hợp được trong kỳ cần phân bổ cho các đối tượng tính giá thành

t_i : Tổng đơn vị tiêu thức phân bổ thuộc đối tượng tính giá thành i

Số chi phí phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành xác định theo công thức:

$$C_i = t_i \times H$$

Trong đó :

C_i : Số chi phí sản phẩm thực tế phát sinh đã tính toán (phân bổ) cho đối tượng tính giá thành i

t_i : Số đơn vị tiêu thức phân bổ thuộc đối tượng tính giá thành i

Kết hợp đồng thời với phương pháp tập hợp chi phí trên và để phù hợp với đặc điểm hạch toán của ngành trong các doanh nghiệp xây lắp còn thực hiện 1 số phương pháp tập hợp chi phí sau:

- *Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo sản phẩm* (theo công trình hạng mục công trình) : chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình riêng biệt, nếu chi phí sản xuất có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình thì sẽ được phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

- *Phương pháp tập hợp chi phí theo đơn đặt hàng* : Các chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp theo từng đơn đặt hàng riêng biệt như vậy tổng số chi phí sản xuất tập hợp được từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành đơn đặt hàng là giá thành thực tế của đơn đặt hàng đó.

- *Phương pháp tập hợp chi phí theo đơn vị thi công*: Chi phí sản xuất phát sinh cho đơn vị thi công nào thì được tập hợp riêng cho đơn vị thi công đó. tại mỗi đơn vị thi công, chi phí sản xuất lại được tập hợp theo từng đối tượng chịu chi phí: hạng mục công trình, nhóm hạng mục công trình,Cuối kỳ, tổng số

chi phí tập hợp được phải phân bổ cho từng công trình, hạng mục công trình để tính giá thành sản phẩm riêng.

➤ **Trình tự hạch toán chi phí sản xuất**

- Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng.

- Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của các ngành sản xuất kinh doanh phụ có liên quan trực tiếp cho từng đối tượng sử dụng trên cơ sở khối lao vụ và giá thành đơn vị lao vụ.

- Bước 3: tập hợp và phân bổ chi phí SXC cho các loại sản phẩm có liên quan.

- Bước 4: Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

1.1.2 Những vấn đề chung về giá thành sản phẩm

1.1.2.1 Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm

➤ **Khái niệm về giá thành sản phẩm xây lắp**

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ các chi phí tính bằng tiền để hoàn thành khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Sản phẩm xây lắp có thể là kết cấu công việc hoặc giao lại công việc có thiết kế và dự toán riêng có thể là hạng mục công trình, công trình hoàn thành toàn bộ.

Giá thành hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành toàn bộ là giá thành sản phẩm cuối cùng của sản xuất xây lắp.

Trong sản xuất xây lắp cần phân biệt các loại giá thành công tác xây lắp: Giá thành dự toán, giá thành kế hoạch và giá thành thực tế.

Giá thành dự toán: Là tổng các chi phí dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp công trình. Giá thành dự toán được xác định trên cơ sở định mức, quy định của Nhà nước và khung giá quy định áp dụng theo từng vùng lãnh thổ.

Giá thành dự toán = Giá trị dự toán – Lợi nhuận định mức

Giá thành kế hoạch: Là giá thành được áp dụng xuất phát từ những điều kiện cụ thể ở một doanh nghiệp xây lắp nhất định trên cơ sở biện pháp thi công, các định mức và đơn giá áp dụng trong doanh nghiệp.

$$\text{Giá thành kế hoạch} = \text{Giá thành dự toán} - \text{Mức hạ giá thành}$$

Giá thành thực tế: Phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành bàn giao khối lượng xây lắp mà doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá thành thực tế bao gồm các chi phí theo định mức, vượt định mức và không định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bội chi, lãng phí về trật tự, lao động, tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý của doanh nghiệp được phép tính vào giá thành.

Giá thành thực tế được xác định theo số liệu của kế toán.

➤ **Chức năng của giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn, các quyết định, giải pháp quản lý áp dụng trong doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm vì mục đích tăng thu nhập đạt lợi nhuận tối đa.

1.1.2.2 Phân loại giá thành sản phẩm

➤ **Xét ở góc độ kế toán tài chính**

❖ **Phân loại giá thành sản phẩm theo thời điểm tính và nguồn số liệu tính giá thành**

- *Giá thành kế hoạch*: là giá thành được tính toán, xác định trên cơ sở chi phí và sản lượng kế hoạch và được bộ phận kế toán tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Giá thành định mức*: là giá thành được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành trung bình tiên tiến và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm nhưng cũng được tính toán xác định trước khi bắt đầu quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.

- *Giá thành thực tế*: là giá thành được tính toán trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh đã được tập hợp theo mục đích, công dụng của chi phí và địa điểm phát sinh của chúng cho số sản phẩm công việc, lao vụ, dịch vụ.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định được các nguyên nhân vượt (hụt) định mức chi phí trong kỳ hạch toán. Từ đó, điều chỉnh kế hoạch định mức chi phí cho phù hợp.

❖ **Phân loại giá thành theo nội dung, phạm vi các chi phí cấu thành**

Theo cách phân loại này giá thành sản phẩm được chia thành:

- *Giá thành sản xuất*: là giá thành thực tế của sản phẩm bao gồm các chi phí thực tế cấu thành nên thực thể sản phẩm như chi phí NVL, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- *Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ*: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Giá thành toàn bộ được tính theo công thức:

$$\text{Giá thành toàn bộ sản phẩm} = \text{Giá thành sản xuất sản phẩm} + \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} + \text{Chi phí bán hàng}$$

Cách phân loại này giúp cho nhà quản lý biết được kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) của từng mặt hàng, từng loại dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh. Tuy nhiên do những hạn chế nhất định khi lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý cho từng mặt hàng, từng loại dịch vụ nên cách phân loại này chỉ còn mang ý nghĩa học thuật, nghiên cứu.

➤ **Xét ở góc độ kế toán quản trị**

❖ **Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi chi phí cấu thành**

- *Giá thành sản xuất theo biến phí*
- *Giá thành sản xuất có phân bổ chi phí hợp lý, chi phí cố định*
- *Giá thành sản xuất toàn bộ*

1.1.2.3 Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành

➤ **Đối tượng tính giá thành**

Là các loại sản phẩm công việc, lao vụ, do doanh nghiệp sản xuất ra và cần phải tính được giá thành và giá thành đơn vị.

Xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công việc tính giá thành sản phẩm, nó có ý nghĩa quan trọng, là các căn cứ để kế toán mở các bảng chi tiết tính giá thành và tổ chức công tác tính giá thành theo từng đối tượng phục vụ cho việc kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành.

Trong sản xuất xây dựng cơ bản, đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình đã xây dựng hoàn thành. Ngoài ra đối tượng tính giá thành có thể là từng giai đoạn công trình hoặc từng giai đoạn hoàn thành quy ước, tùy thuộc vào phương thức bàn giao thanh toán giữa đơn vị xây lắp và chủ đầu tư.

Kết cấu giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu biểu hiện thành phần, nội dung những khoản mục chi phí cấu thành trong giá thành sản phẩm. Thông thường kết cấu giá thành gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Tuy nhiên, trong lĩnh vực xây lắp, chi phí máy thi công được tách riêng do chi phí máy thi công chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất chung.

➤ **Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp**

- Nếu đối tượng tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành theo đơn đặt hàng thì thời điểm tính giá thành là khi công trình, hạng mục công trình hay đơn đặt hàng hoàn thành.

- Nếu đối tượng tính giá thành là các hạng mục công trình được quy định thanh toán theo giai đoạn xây dựng thì kỳ tính giá thành là theo giai đoạn xây dựng hoàn thành.

- Nếu đối tượng tính giá thành là những hạng mục công trình được quy định thanh toán định kỳ theo khối lượng từng loại công việc trên cơ sở giá dự toán thì kỳ tính giá thành là theo cuối tháng hoặc cuối quý.

1.2.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp là phương pháp sử dụng số liệu về chi phí sản xuất để tính toán ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm, hoặc lao vụ đã hoàn thành theo các yếu tố hoặc khoản mục giá thành trong kỳ tính giá thành đã được xác định.

Tuỳ theo đặc điểm của từng đối tượng tính giá thành, và mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành mà kế toán lựa chọn phương pháp thích hợp để tính giá thành cho từng đối tượng.

❖ Phương pháp trực tiếp (giản đơn)

Đây là phương pháp tính giá thành phổ biến trong các doanh nghiệp xây lắp. Vì hiện nay sản xuất xây lắp mang tính đơn chiếc cho nên đối tượng tập hợp chi phí sản xuất thường phù hợp với đối tượng tính giá thành. Mặt khác phương pháp này cho phép cung cấp một cách kịp thời số liệu giá thành cho mỗi kỳ báo cáo.

Theo phương pháp này thì tất cả các chi phí phát sinh trực tiếp cho một công trình, hạng mục công trình từ khi khởi công cho đến khi hoàn thành chính thức là giá thành thực tế của công trình, hạng mục công trình đó.

Trong trường hợp công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành toàn bộ mà có khối lượng xây lắp bàn giao thì:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế của} \\ \text{KLXL hoàn thành bàn} \\ \text{giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế dở} \\ \text{đang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array}$$

Trong trường hợp chi phí sản xuất tập hợp cho cả công trình nhưng giá thành thực tế phải tính riêng cho từng hạng mục công trình, kế toán có thể căn cứ vào chi phí sản xuất của cả nhóm và hệ số kinh tế kỹ thuật đã được quy định cho từng hạng mục công trình để tính giá thành thực tế cho từng hạng mục công trình.

❖ **Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng(ĐDH)**

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp đối tượng tính giá thành là từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Mỗi ĐDH ngay từ khi bắt đầu thi công được mở 1 phiếu tính giá thành(Bảng tính giá thành theo ĐDH). Chi phí sản xuất phát sinh được tập hợp cho từng ĐDH bằng phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp. Cuối hàng kỳ căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được cho từng ĐDH theo từng khoản mục chi phí ghi vào bảng tính giá thành của ĐDH tương ứng. Khi có chứng từ chứng minh ĐDH hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành theo ĐDH (công trình, hạng mục công trình hoàn thành bằng cách cộng lũy kế từ kỳ bắt đầu thi công đến khi ĐDH hoàn thành ngay trên bảng tính giá thành của ĐDH đó. Đối với các ĐDH chưa hoàn thành, cộng chi phí lũy kế từ kỳ bắt đầu thi công đến thời điểm xác định chính là giá trị sản phẩm xây lắp dở dang. Bởi vậy bảng tính giá thành của các ĐDH chưa xong được coi là các báo cáo chi phí sản xuất xây lắp dở dang.

Trường hợp một ĐDH gồm một số hạng mục công trình thì sau khi tính giá thành cho ĐDH hoàn thành, kế toán thực hiện tính giá thành cho từng hạng mục công trình bằng cách căn cứ vào giá thành thực tế của ĐDH hoàn thành và giá thành dự toán của các hạng mục công trình đó, công thức tính như sau:

$$Z_i = \frac{Z_{đdh}}{Z_{dt}} \times Z_{idt}$$

Trong đó:

Z_i : Giá thành sản xuất thực tế của hạng mục công trình

$Z_{đdh}$: Giá thành thực tế của đơn đặt hàng hoàn thành

Z_{dt} : Giá thành dự toán của các hạng mục công trình thuộc đơn đặt hàng hoàn thành.

Z_{idt} : Giá thành dự toán của hạng mục công trình

❖ **Phương pháp tính giá thành theo giá thành định mức**

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp DNXL thực hiện phương pháp kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức. Nội dung chủ yếu của phương pháp này như sau:

- Trước hết phải căn cứ vào định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và dự toán chi phí được duyệt để tính giá thành định mức của sản phẩm.
- Tổ chức hạch toán riêng biệt số chi phí sản xuất xây lắp thực tế phù hợp với định mức và số chi phí sản xuất xây lắp chênh lệch thoát ly định mức, thường xuyên thực hiện phân tích những chênh lệch này để kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm xây lắp.
- Khi có thay đổi định mức kinh tế, kỹ thuật cần kịp thời tính toán lại giá thành định mức và xác định số chênh lệch chi phí SXXL do thay đổi định mức của số sản phẩm đang sản xuất dở dang cuối kỳ trước (nếu có).

Trên cơ sở giá thành định mức, số chi phí SXXL chênh lệch thoát ly định mức đã được tập hợp riêng và số thay đổi do thay đổi định mức để tính giá thành thực tế sản phẩm xây lắp hoàn thành trong kỳ theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá thành} \\
 \text{thực tế của} \\
 \text{sản phẩm xây} \\
 \text{lắp}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Giá thành định} \\
 \text{mức của sản} \pm \\
 \text{phẩm xây lắp}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chênh lệch} \\
 \text{do thay đổi} \pm \\
 \text{định mức}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chênh lệch do} \\
 \text{thoát ly định} \\
 \text{mức}
 \end{array}$$

❖ **Phương pháp tổng cộng chi phí**

Phương pháp này được áp dụng thích hợp đối với công việc xây dựng các công trình lớn, phức tạp và quá trình xây lắp có thể chia ra cho các đội sản xuất khác nhau. Khi đó đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng đội sản xuất, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành cuối cùng.

Để tính giá thành sản phẩm cuối cùng phải tổng hợp chi phí sản xuất trừ đi chi phí thực tế của sản phẩm dở dang cuối kỳ của từng đội và cộng thêm chi phí thực tế của sản phẩm dở dang đầu kỳ. Công thức:

$$Z = Dđk + C1 + C2 + C3 \dots + Cn$$

Trong đó

Z : giá thành thực tế toàn bộ công trình

Dđk : Chi phí thực tế sản phẩm dở dang đầu kỳ

C1, C2, ... Cn : Chi phí sản xuất ở từng đội sản xuất hay từng hạng mục công trình của một công trình.

➔ Mọi liên hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

- Giống nhau: Giống nhau về chất đều là các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp bỏ ra trong quá trình sản xuất, đều là các chi phí biểu hiện bằng tiền.

- Khác nhau:

+ Về mặt phạm vi: Chi phí sản xuất gắn với một thời kỳ nhất định, còn giá thành sản phẩm gắn với khối lượng sản phẩm, công việc lao vụ đã hoàn thành.

+ Về mặt lượng: Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có thể khác nhau khi có sản phẩm sản xuất dở dang đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Sự khác nhau về mặt lượng và mối quan hệ này thể hiện ở công thức giá thành tổng quát sau đây:

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ}$$

Trong trường hợp đặc biệt khi chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ bằng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ hoặc không có sản phẩm làm dở thì tổng giá thành

bằng tổng chi phí sản xuất trong kỳ.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau một bên chi phí sản xuất là đầu vào là nguyên nhân dẫn đến kết quả đầu ra là giá thành sản phẩm. Mặt khác số liệu của kế toán tập hợp chi phí là cơ sở để tính giá thành sản phẩm vì vậy tiết kiệm được chi phí sẽ hạ được giá thành sản phẩm.

→ Môi quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành

- Mối quan hệ giữa một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất với một đối tượng tính giá thành: trong quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, sản phẩm hoàn thành chỉ một loại thì đối tượng kế toán tập hợp chi phí là toàn bộ quy trình công nghệ, đối tượng tính giá thành là một loại sản phẩm hoàn thành. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với đối tượng tính giá thành.

- Mối quan hệ giữa một đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất với nhiều đối tượng tính giá thành. Từ một loại nguyên vật liệu chính cho ra nhiều loại sản phẩm hoàn thành.

- Mối quan hệ giữa nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất với một đối tượng tính giá thành. Trong quy trình sản xuất phức tạp và đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn của quy trình công nghệ sản xuất và đối tượng tính giá thành chỉ là sản phẩm hoàn thành.

- Mối quan hệ giữa nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất với một đối tượng tính giá thành. Trong quy trình sản xuất phức tạp và đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là từng giai đoạn của quy trình công nghệ sản xuất và đối tượng tính giá thành vừa là nửa thành phẩm hoàn thành và thành phẩm hoàn thành.

Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành là cơ sở để lựa chọn các phương pháp tính giá thành.

1.2 KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT – GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1.2.1 Kế toán chi phí sản xuất

1.2.1.1 Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 621 – Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí nguyên liệu vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, thực hiện dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp xây lắp.

Trong hạch toán chi phí vật liệu trực tiếp kế toán phải tôn trọng những quy định có tính nguyên tắc sau:

- Vật liệu sử dụng cho việc xây dựng hạng mục công trình nào thì tính trực tiếp cho hạng mục công trình đó theo giá thực tế.

- Cuối kỳ hạch toán hoặc khi công trình hoàn thành phải tiến hành kiểm kê số vật liệu chưa sử dụng hết, số phế liệu thu hồi theo từng đối tượng công trình.

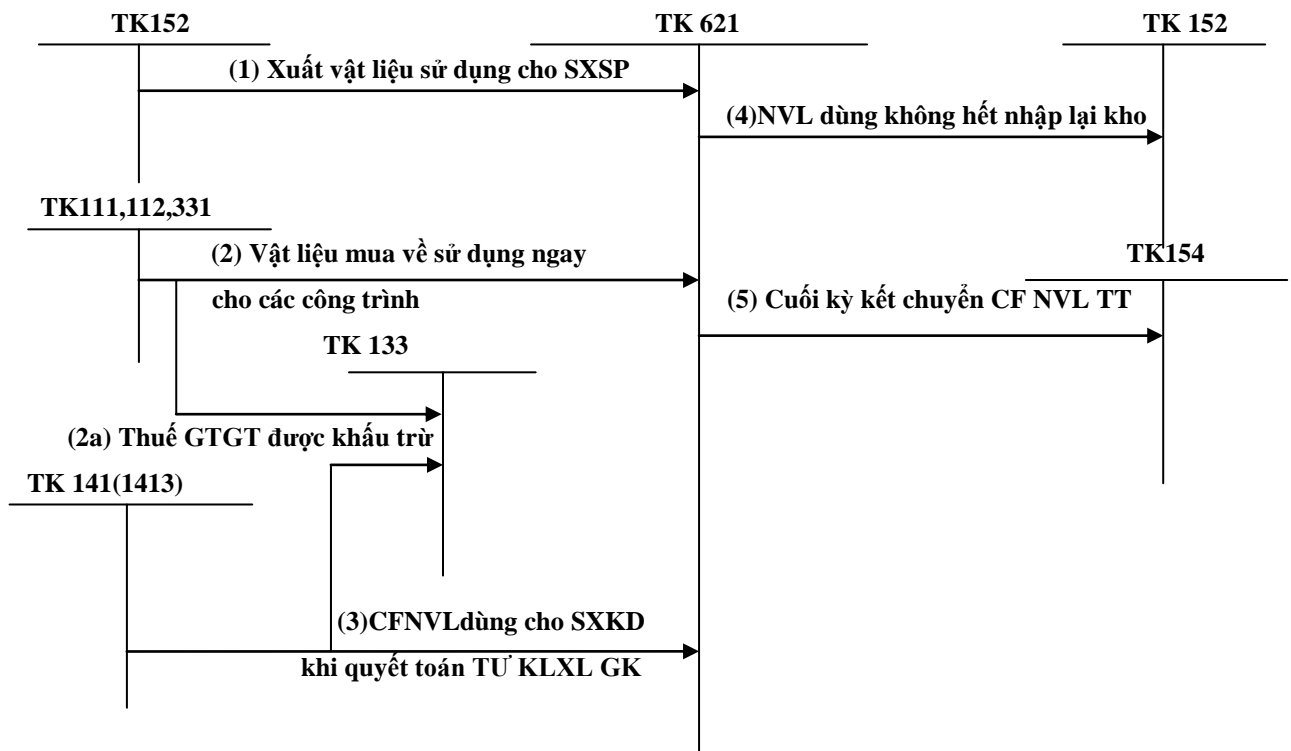
- Đối với vật liệu sử dụng cho nhiều công trình thì kế toán áp dụng phương pháp phân bổ để tính chi phí vật liệu trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

- Việc kiểm soát nguyên vật liệu dự dụng cho từng công trình phải tiến hành thường xuyên dựa vào hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật về xây dựng cơ bản do nhà nước quy định và trong nội bộ doanh nghiệp để tiết kiệm chi phí hạ giá thành là căn cứ để điều chỉnh hệ thống định mức.

Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp căn cứ vào các chứng từ như: phiếu xuất kho, phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức, kế toán phản ánh trên tài khoản 621 “ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp “. TK này dùng để phản ánh chi

phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp của doanh nghiệp xây lắp.

Sơ đồ 1.1 : Trình tự hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.2.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 622: Chi phí nhân công trực tiếp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp, sản xuất sản phẩm công nghiệp, cung cấp dịch vụ. Chi phí lao động trực tiếp bao gồm cả các khoản phải trả cho người lao động thuộc doanh nghiệp quản lý và cho lao động thuê ngoài cho từng loại công việc.

Kế toán chi phí nhân công trực tiếp cần tôn trọng những quy định sau:

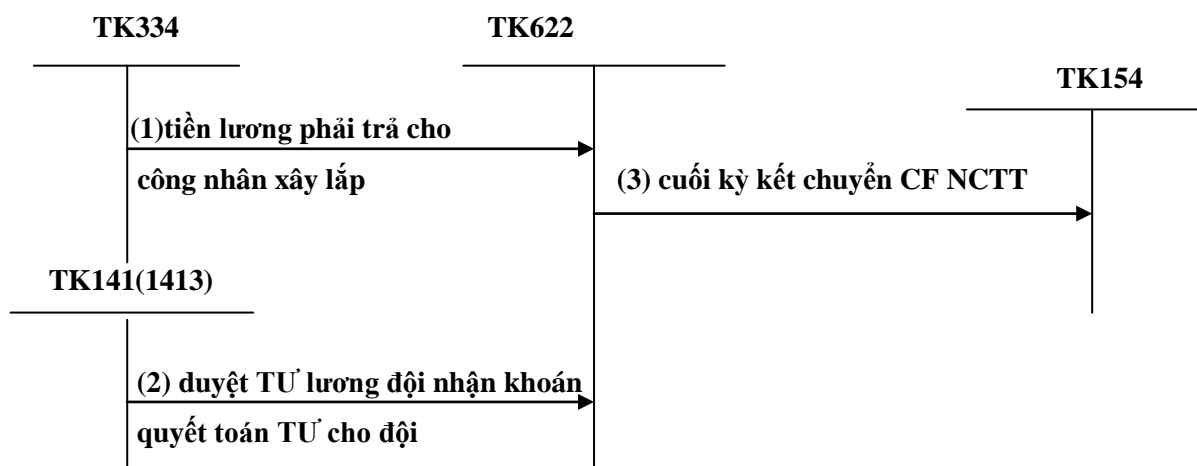
- Tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó trên cơ sở các chứng từ gốc về lao động và tiền lương. Trong điều kiện sản xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công cho

từng công trình hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiền lương định mức hay gia công định mức

- Các khoản trích theo tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất như : BHXH, BHYT, KPCĐ được tính vào chi phí sản xuất chung.

Để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, kế toán căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương, Phiếu báo làm thêm giờ, kế toán phản ánh tổng hợp trên TK 622 “ chi phí nhân công trực tiếp “. TK này dùng để phản ánh chi phí lao động trực tiếp tham gia vào quá trình hoạt động xây lắp.

Sơ đồ 1.2: Trình tự hạch toán chi phí nhân công trực tiếp



1.2.1.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 623: Chi phí sử dụng máy thi công

Tài khoản này dùng để tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng xe, máy thi công sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp công trình. Tài khoản này chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng xe, máy thi công đối với trường hợp doanh nghiệp xây lắp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thủ công vừa kết hợp bằng máy.

Tài khoản 623 chi phí sử dụng máy thi công có 6 TK cấp 2:

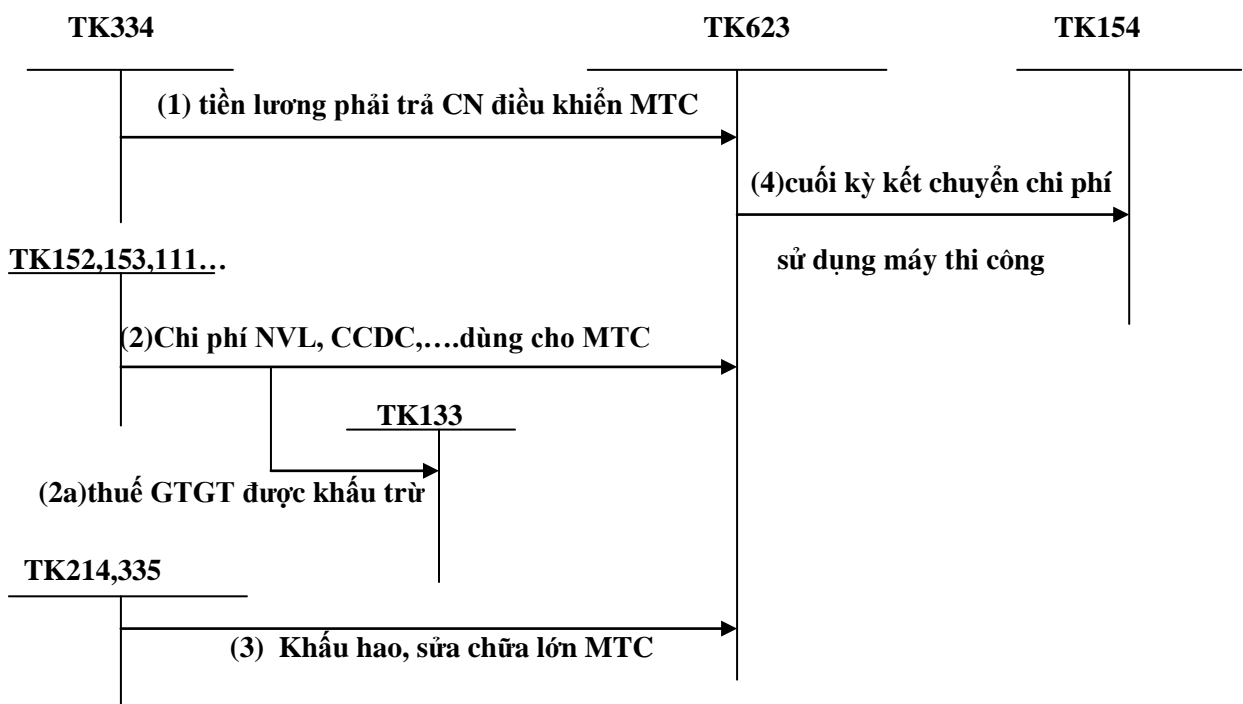
- Tài khoản 6231 – *Chi phí nhân công*: Dùng để phản ánh lương chính, lương phụ, phụ cấp lương phải trả cho công nhân trực tiếp điều khiển xe, máy thi công, phục vụ máy thi công như: Vận chuyển, cung cấp nhiên liệu vật liệu... cho xe, máy thi công).
- Tài khoản 6232 – *Chi phí vật liệu*: Dùng để phản ánh chi phí nhiên liệu (Xăng, dầu, mỡ...), vật liệu khác phục vụ xe, máy thi công.
- Tài khoản 6233 – *Chi phí dụng cụ sản xuất*: Dùng để phản ánh công cụ, dụng cụ, lao động liên quan đến hoạt động của xe, máy thi công.
- Tài khoản 6234 – *Chi phí khấu hao máy thi công*: Dùng để phản ánh khấu hao máy móc thi công sử dụng vào hoạt động xây lắp công trình.
- Tài khoản 6237 – *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Dùng để phản ánh chi phí dịch vụ mua ngoài như thuê ngoài để sửa chữa xe, máy thi công, bảo hiểm xe, máy thi công, chi phí điện nước, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ,...
- Tài khoản 6238 – *Chi phí bằng tiền khác*: Dùng để phản ánh các chi phí bằng tiền phục vụ cho hoạt động của xe, máy thi công, khoản chi cho lao động nữ,...

Kế toán chi phí sử dụng máy thi công cần tôn trọng những quy định sau:

- Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công phải phù hợp với hình thức quản lý sử dụng máy thi công của doanh nghiệp: Tổ chức đội máy thi công riêng biệt chuyên thực hiện các khối lượng thi công bằng máy hay giao máy thi công cho các đội công ty xây lắp.
- Nếu DN có đội chuyên thi công bằng máy: Thực hiện hạch toán nội bộ với đội máy thi công. Chi phí sử dụng máy thi công được tập hợp và phân bổ cho các hạng mục công trình hoặc được tính theo giá thành kế hoạch hoặc được xác định theo khối lượng thực tế máy đảm nhiệm tính theo giá giao khoán nội bộ.

- Nếu DN không tổ chức đội máy thi công riêng mà áp dụng việc giao máy thi công cho đội xây lắp. Chi phí sử dụng máy thi công được hạch toán trực tiếp vào tài khoản 623 theo từng nội dung chi phí sau đó kết chuyển vào chi phí xây dựng của từng công trình hạng mục công trình.
- Tính toán phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các đối tượng sử dụng phải dựa trên cơ sở giá thành một giờ/máy hoặc giá thành một ca/máy hoặc một đơn vị khối lượng công việc thi công bằng máy hoàn thành.

Sơ đồ 1.3: Trình tự hạch toán chi phí sử dụng máy thi công



1.2.1.4. Kế toán chi phí sản xuất chung

➤ **Nguyên tắc tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung:**

Dùng để tính phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình, hạng mục công trình, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ... và tính giá thành sản xuất sản phẩm.

Về nguyên tắc chung, chi phí sản xuất chung được tập hợp theo từng phân xưởng, bộ phận và đội. Chi phí sản xuất chung của từng phân xưởng, bộ phận, đội được phân bổ cho công trình, hạng mục công trình, bộ phận đội đó thi công

và sản phẩm, lao vụ, dịch vụ phân xưởng đó sản xuất. Trường hợp chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình, sản phẩm, lao vụ, dịch vụ thì phải phân bổ theo tiêu thức chi phí nhân công trực tiếp.

Số liệu để ghi vào Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung dùng để tính giá thành sản xuất sản phẩm.

Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí sản xuất của đội, công trường xây dựng gồm: Lương nhân viên quản lý đội xây dựng; khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả công nhân trực tiếp xây dựng và nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế doanh nghiệp); khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội, chi phí đi vay nếu được vốn hóa tính vào giá trị tài sản đang trong quá trình sản xuất dở dang và các chi phí liên quan hoạt động đội,...

Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung có 6 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6271 – *chi phí nhân viên phân xưởng*: Phản ánh các khoản tiền lương, phụ cấp lương, phụ cấp lưu động phải trả cho nhân viên quản lý đội xây dựng, của công nhân xây lắp, khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ được tính theo tỷ lệ (%) quy định hiện hành trên tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp, nhân viên sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý đội (thuộc biên chế doanh nghiệp).

- Tài khoản 6272 – *Chi phí vật liệu*: phản ánh các chi phí vật liệu dùng cho đội xây dựng, như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ, công cụ dụng cụ, thuộc đội xây dựng quản lý và sử dụng, chi phí lán trại tạm thời,... (Chi phí không có thuế GTGT đầu vào nếu được khấu trừ thuế).

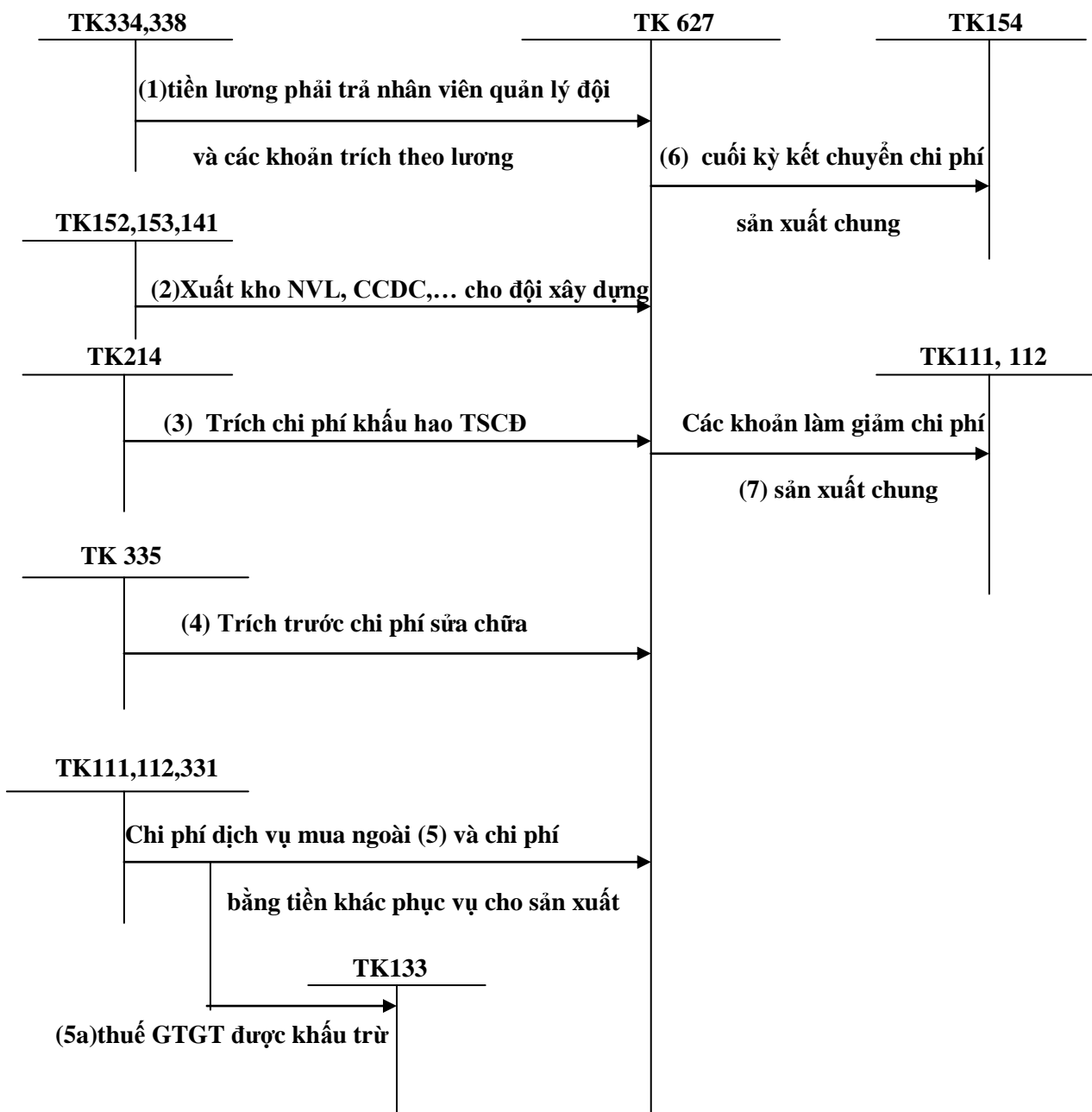
- Tài khoản 6273 – *Chi phí dụng cụ sản xuất*: phản ánh về công cụ dụng cụ xuất dùng cho hoạt động quản lý của đội xây dựng (Chi phí không có thuế GTGT đầu vào nếu được khấu trừ).
- Tài khoản 6274 – *Chi phí khấu hao TSCĐ*: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho hoạt động của đội xây dựng.
- Tài khoản 6277 – *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho hoạt động của đội xây dựng như: chi phí sửa chữa, chi phí thuê ngoài, chi phí điện, nước, điện thoại, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, giấy phép chuyển giao công nghệ, nhãn hiệu thương mại,... không thuộc TSCĐ được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí của đội, tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ (chi phí không có thuế GTGT đầu vào nếu được khấu trừ thuế).
- Tài khoản 6278 – *Chi phí bằng tiền khác*: phản ánh các chi phí bằng tiền ngoài các chi phí đã kể trên phục vụ cho hoạt động của đội xây dựng, khoản chi cho lao động nữ (chi phí không có thuế GTGT đầu vào nếu được khấu trừ thuế).

Kế toán chi phí sản xuất chung cần tôn trọng những quy định sau:

- Phải tổ chức hạch toán chi phí sản xuất chung theo từng công trình, hạng mục công trình đồng thời phải chi tiết theo các điều khoản quy định.
- Khi thực hiện khoán chi phí sản xuất chung cho các đội xây dựng thì phải quản lý tốt chi phí đã giao khoán, từ chối không thanh toán cho các đội nhận khoán số chi phí sản xuất chung ngoài dự toán, bất hợp lý.
- Trường hợp chi phí sản xuất chung có liên quan đến nhiều đối tượng xây lắp khác nhau kế toán phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đối tượng liên quan theo tiêu thức hợp lý như : chi phí nhân công trực tiếp hoặc chi phí sản xuất chung theo dự toán....

Đề hoạch toán chi phí sản xuất chung, kế toán căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương phải trả nhân viên quản lý đội, phiếu xuất kho, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ...

Sơ đồ 1.4: Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung



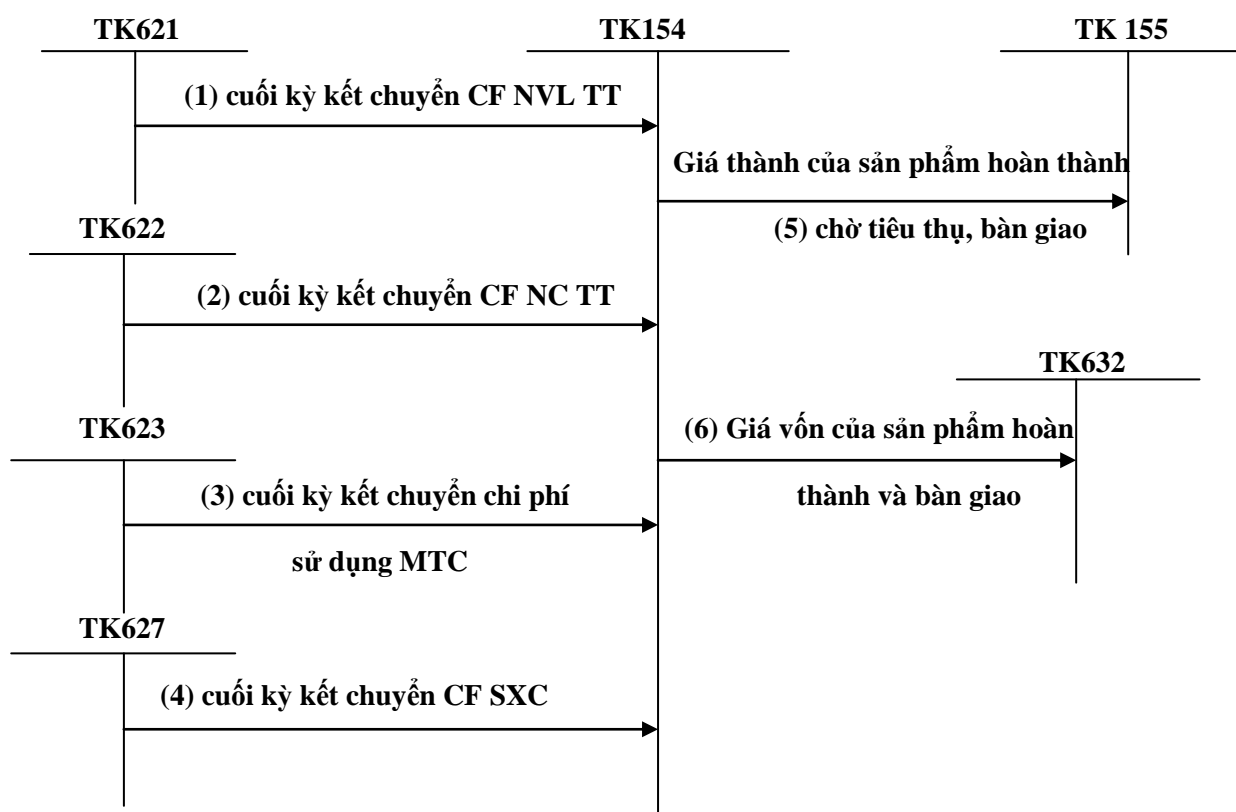
1.2.2. Tập hợp chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

1.2.2.1. Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ chi phí vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí sản xuất chung cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm xây lắp phải thực hiện theo từng công trình hạng mục công trình và theo các khoản mục chi phí đã quy định.

Tài khoản sử dụng: Tk 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Sơ đồ 1.5 : Quy trình tập hợp chi phí sản xuất



1.2.2.2. Phương pháp đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang

Chi phí sản xuất xây lắp tập hợp theo từng khoản mục chi phí vừa liên quan đến sản phẩm hoàn thành, vừa liên quan đến sản phẩm đang làm dở được xác định ở thời điểm cuối kỳ. Để xác định chi phí sản xuất cho sản phẩm xây lắp hoàn thành đảm bảo tính hợp lý thì cần xác định phần chi phí sản xuất tính chi

sản phẩm làm dở. Tùy thuộc vào đối tượng tính giá thành DNXL đã xác định mà nội dung sản phẩm dở dang có sự khác nhau. Nếu đối tượng tính giá thành khối lượng (giai đoạn) xây lắp chưa hoàn thành là sản phẩm xây lắp dở dang. Nếu đối tượng tính giá thành là công trình, hạng mục công trình hoàn thành thì sản phẩm xây lắp dở dang là các công trình, hạng mục công trình hoàn thành. DNXL có thể đánh giá sản phẩm xây lắp dở dang theo các trường hợp cụ thể sau:

➤ **Trường hợp sản phẩm xây lắp dở dang là các khối lượng hoặc giai đoạn xây lắp thuộc từng công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành**

Trong trường hợp này DNXL có thể đánh giá sản phẩm làm dở theo giá thành dự toán hoặc giá trị dự toán, chi phí sản xuất tính cho các giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ(Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ) được tính theo công thức:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C}{Z_{dtht} + Z_{dtdd}} \times Z_{dtht}$$

Trong đó:

D_{ck} : Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ

D_{dk} : Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ (chi phí SX các giai đoạn xây lắp dở dang đầu kỳ)

C: Chi phí sản xuất xây lắp phát sinh trong kỳ.

Z_{dtht} : Giá thành dự toán (hoặc giá trị dự toán) các giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ.

Z_{dtdd} : Giá thành dự toán (hoặc giá trị dự toán) các giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ tính theo mức độ hoàn thành.

➤ **Trường hợp sản phẩm dở dang là công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành:**

Trong trường hợp này, giá trị sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ chính là tổng chi phí sản xuất xây lắp lũy kế từ khi khởi công công trình, hạng mục công trình cho đến thời điểm cuối kỳ này của những công trình, hạng mục công trình chưa hoàn thành.

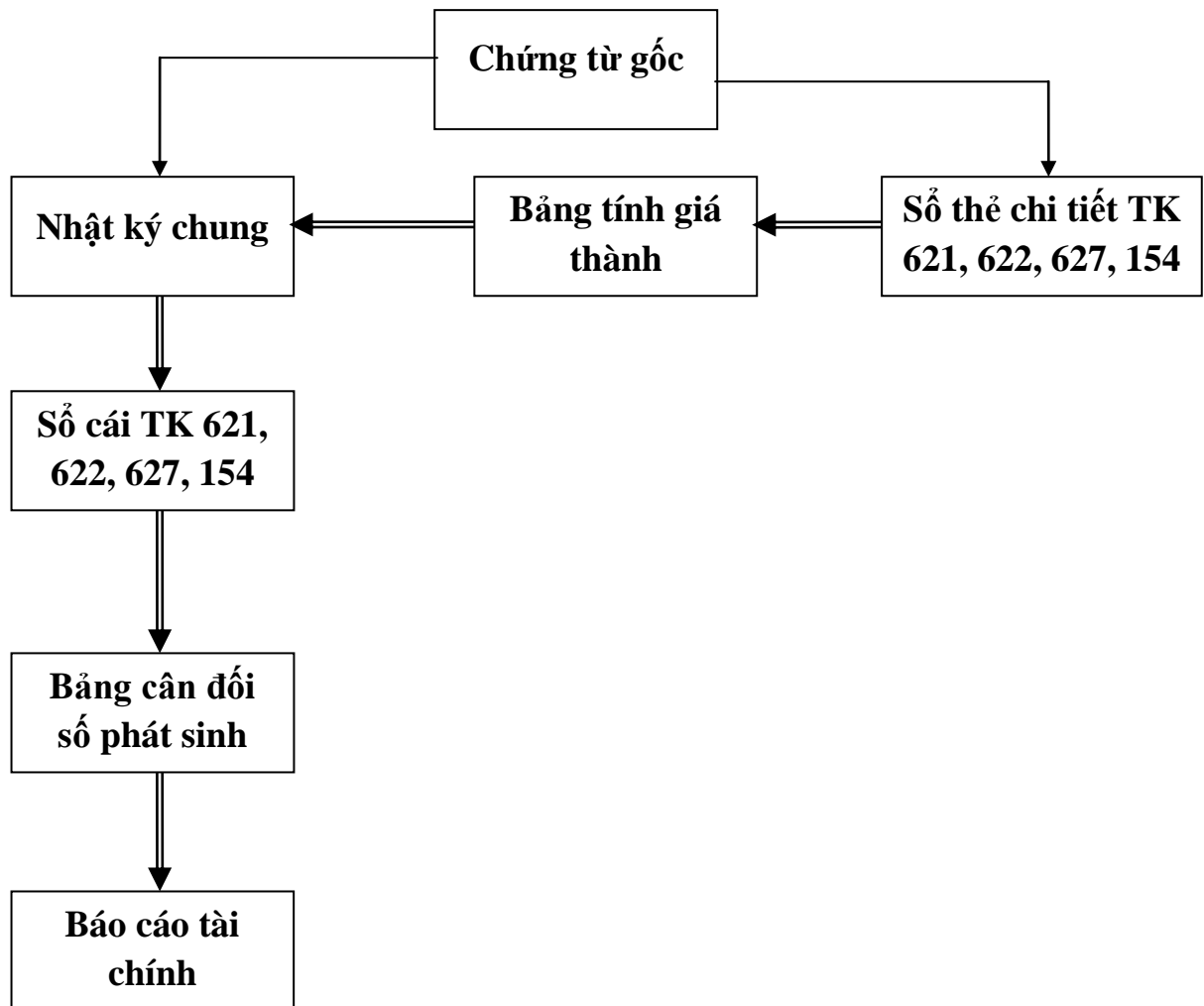
1.4. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN

1.4.1. Hình thức Nhật ký chung

Bao gồm các sổ:

- Sổ nhật ký chung : Dùng để ghi chép toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo trình tự thời gian, bên cạnh đó thực hiện việc phản ánh theo quan hệ đối ứng TK làm căn cứ ghi sổ cái
- Sổ cái tài khoản : Dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo từng tài khoản như sổ cái TK 621, 622, 623....
- Sổ chi tiết các tài khoản : Được mở cho từng đối tượng kế toán cần theo dõi chi tiết mà trên sổ tổng hợp không phản ánh được như sổ chi tiết 621, 622,...
- Bảng tính giá thành sản phẩm: Tập hợp tất cả các chi phí liên quan đến việc tính giá thành sản phẩm, và xác định khối lượng sản phẩm dở dang.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành theo hình thức nhật ký chung



Ghi chú:

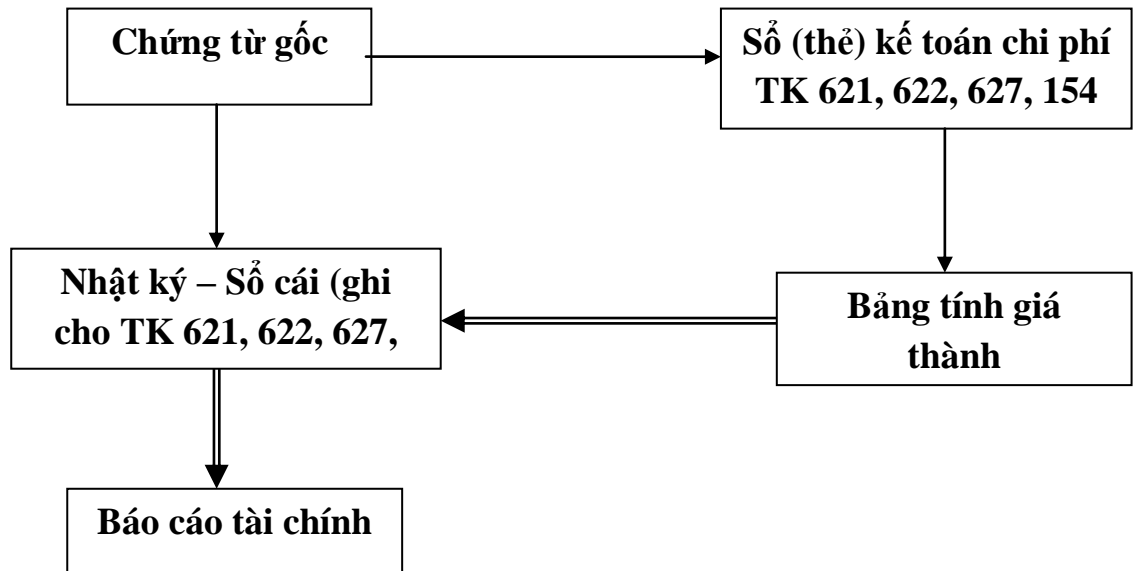
Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.-.->

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ cái

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

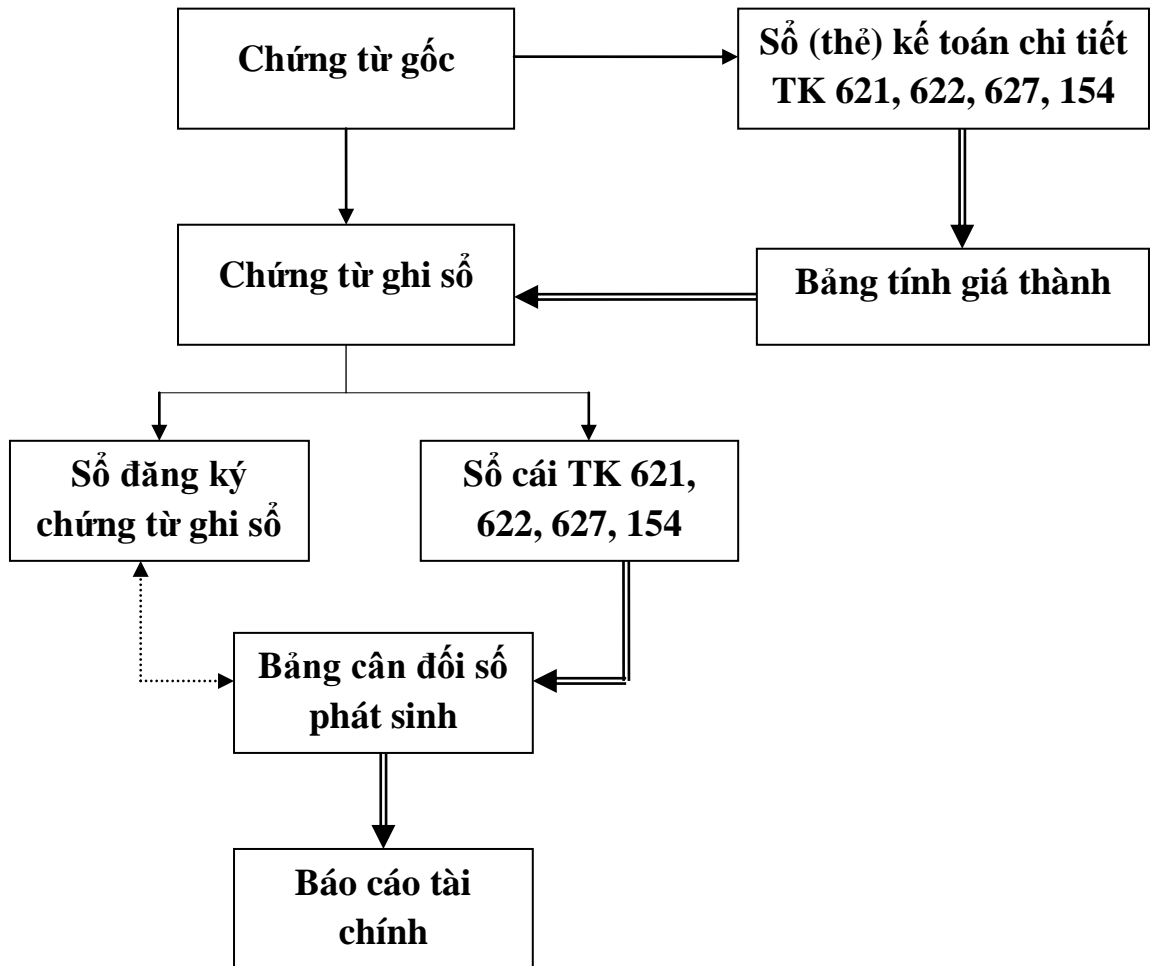
Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

1.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

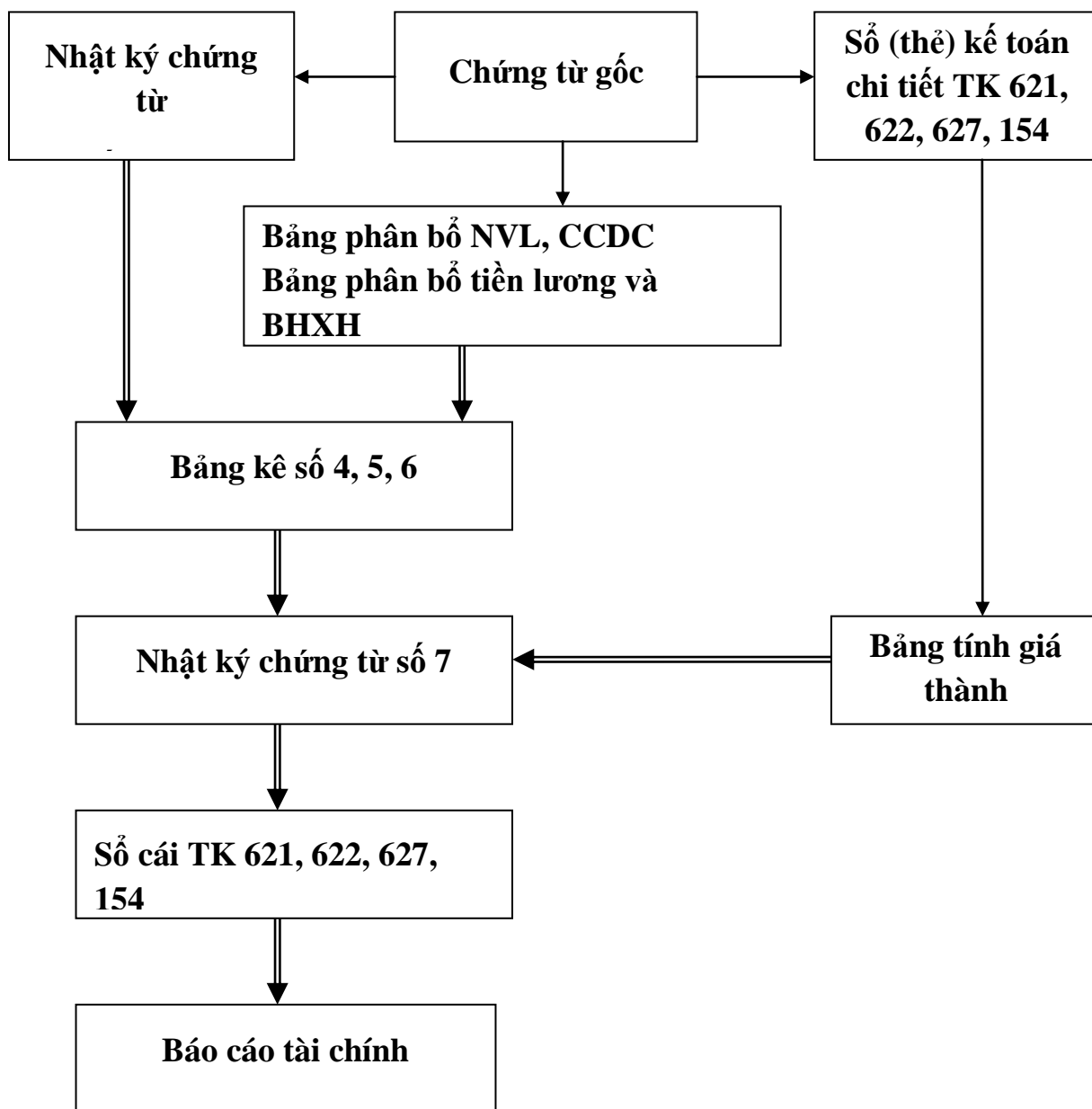
Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

1.4.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

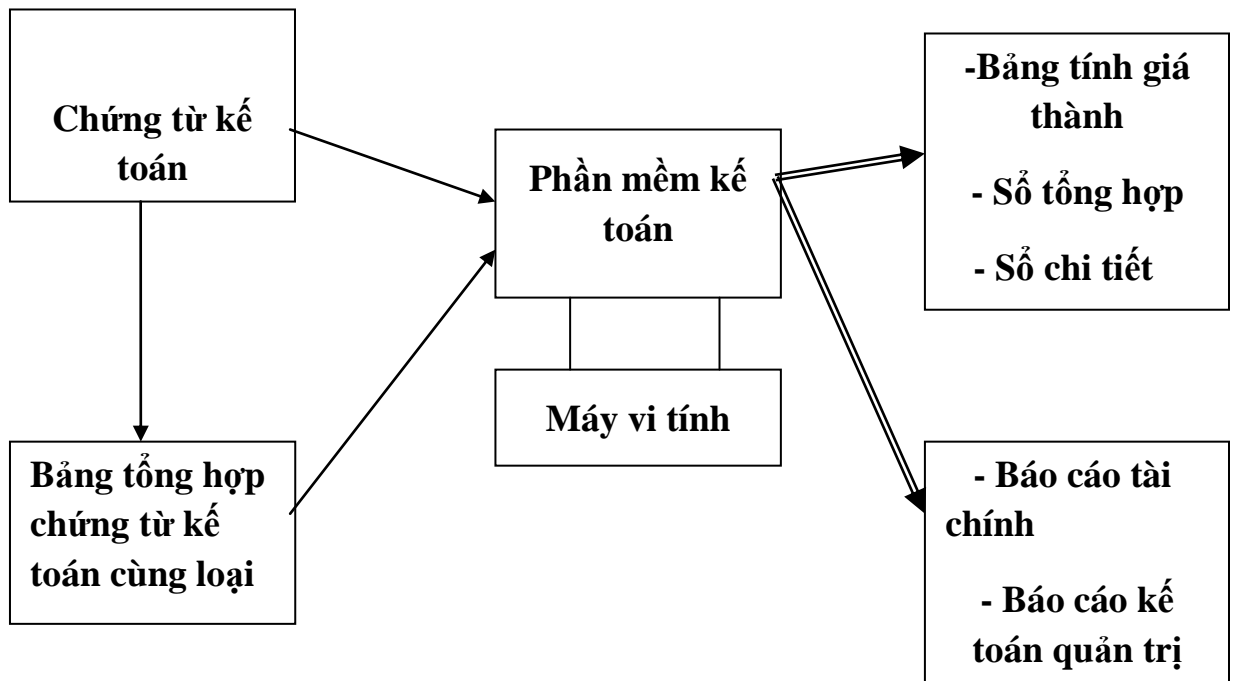
Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

1.4.5. Hình thức dùng máy vi tính

Sơ đồ 1. 10: Trình tự ghi sổ kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NAM ANH

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NAM ANH

Tên doanh nghiệp: **Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng NAM ANH**

Trụ sở chính: Số 5C/123 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

Điện thoại : 031847701

Fax:

Vốn điều lệ của Công ty : 2.700.000.000

Số cổ phần : 2.700 cổ phần

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần : 100.000 đồng / cổ phần

Mã số thuế : 0200635053

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh được thành lập tháng 01/2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đầu tư số 0203001231 do phòng đăng ký kinh doanh ,sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, và đăng ký thay đổi lần 2 vào 03/2009.

Công ty ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh được thành lập và hoạt động theo đúng luật Doanh nghiệp đã được quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 6 năm 1999 và có hiệu lực từ 01/01/2000.

Công ty thuộc hình thức công ty Cổ phần, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu và tài khoản đăng ký tại ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Bằng những cố gắng và nỗ lực của đội ngũ ban lãnh đạo công ty cùng với toàn thể công nhân viên, công ty về cơ bản đã từng bước thực hiện được những mục tiêu ban đầu của mình

Trong những năm qua Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh đã từng bước phát triển, đã đạt một số thành tích trong sản xuất kinh doanh.

2.1.2. Chức năng và ngành nghề kinh doanh

- ✓ Xây dựng công trình dân dụng
- ✓ Xây dựng công trình dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- ✓ Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác:
 - Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp
 - Giám sát thi công xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện ./.

2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn mà công ty đã đạt được

Thuận lợi : Nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu của con người cũng vì thế càng được nâng cao. Lĩnh vực xây dựng cũng ngày càng phát triển. Đó chính là 1 lợi thế cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhà nước cũng đưa ra những điều luật xây dựng mới tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng. Cùng với đội ngũ kế toán với chuyên môn cao, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc, kết hợp với sự dẫn dắt của các giám đốc công ty đó chính là những thuận lợi lớn nhất của công ty.

Khó khăn : Bên cạnh đó, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động, thêm vào đó là một doanh nghiệp trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm trong thương trường. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức thương mại thế giới cũng là thách thức đối với doanh nghiệp. Trong nước, sự cạnh tranh giữa các công ty xây dựng là rất lớn, ở Hải Phòng có rất nhiều loại hình công ty xây dựng như Đất Việt, ATP, An Bình... Cùng với đó

là thị trường bất động sản có nhiều biến động gây khó khăn cho nhà quản lý. Đời sống của cán bộ công nhân viên gặp khó khăn do giá cả tiêu dùng tăng cao.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức sản xuất của Công ty

2.1.4.1. Tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh là công ty Cổ phần, do giám đốc là người điều hành mọi hoạt động của công ty.

Phòng Dự án - Kỹ thuật có trách nhiệm liên hệ tìm các hợp đồng, tìm các thông tin về đấu thầu xây dựng, triển khai hồ sơ dự thầu và trực tiếp tham gia đấu thầu công trình. Sau khi trúng thầu Công ty tiếp tục tham gia thi công công trình vừa trúng thầu. Hoàn tất công trình, Công ty bàn giao cho chủ đầu tư nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Tham gia tư vấn thiết kế, thi công khi nhận được các hợp đồng xây dựng.

Phòng kế toán tổng hợp làm nhiệm vụ cung cấp tài chính cho nhà thầu và làm thủ tục bảo lãnh cho công trình tham gia đấu thầu, cung cấp về lao động, an toàn lao động của các công trình thi công. Lương của các công nhân thi công công trình được theo dõi chấm công, Phòng kế toán tổng hợp sẽ hạch toán và thanh toán tiền lương cho người lao động.

+Thực hiện công tác hạch toán kế toán trên hệ thống các sổ sách mẫu biểu kế toán theo đúng luật thống kê kế toán.

+Thực hiện nghiêm chỉnh sự chỉ đạo của giám đốc về hạch toán ghi chép tài chính. Tuyệt đối giữ bí mật các số liệu và mục đích của hạch toán. Trung thành giữ gìn kỷ luật tài chính của công ty.

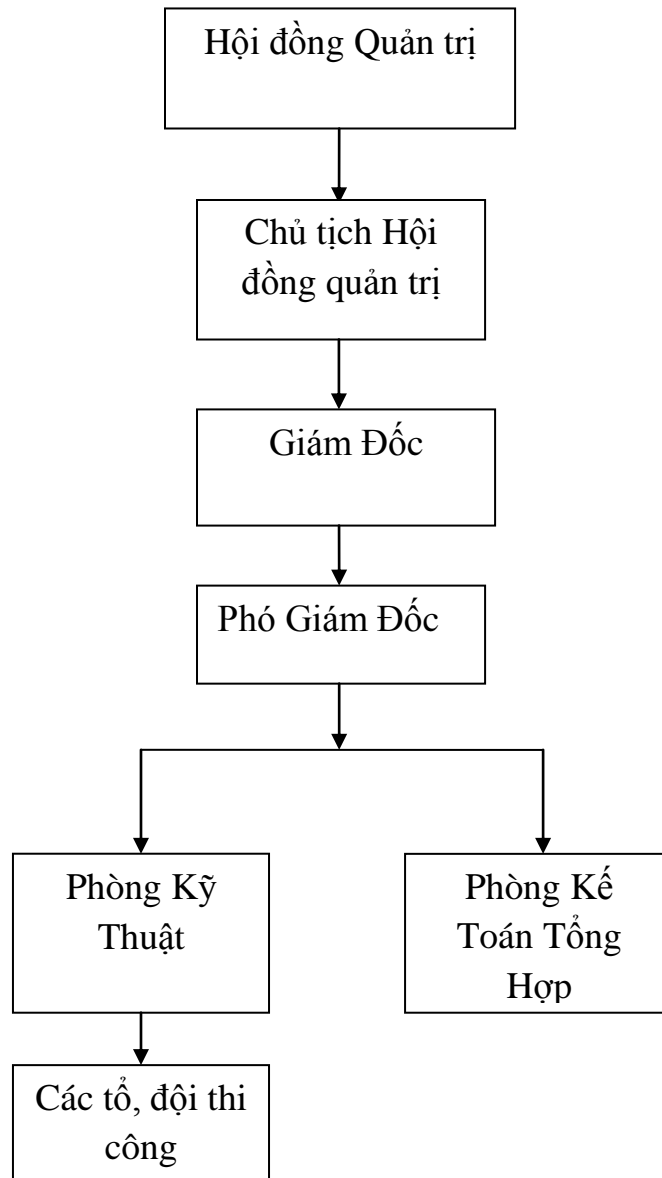
+Thực hiện công tác báo cáo tài chính đúng biểu mẫu, đúng thời hạn và chính xác các số liệu.

2.1.4.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

Là một doanh nghiệp kinh doanh với quy mô vừa nên bộ máy quản lý của công ty tương đối gọn nhẹ và hợp lý.

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty được mô tả bằng sơ đồ 2.1

Sơ đồ 2.1 - Tổ chức bộ máy quản lý Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh



Giám đốc: là người lãnh đạo cao nhất trong Công ty, là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước và trước pháp luật về quản lý con người, tài sản và tổ chức sản xuất kinh doanh. Quyết định của Giám đốc là cao nhất, các phòng ban có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả.

Phó Giám đốc: là người tham mưu và thay mặt Giám đốc lãnh đạo Công ty lúc Giám đốc vắng mặt.

Phòng Dự án - Kỹ thuật: nắm bắt thông tin về các công trình để tham gia đấu thầu, lập hồ sơ dự thầu, kiểm tra, chỉ đạo công tác kỹ thuật thi công, giám sát và nghiệm thu công trình.

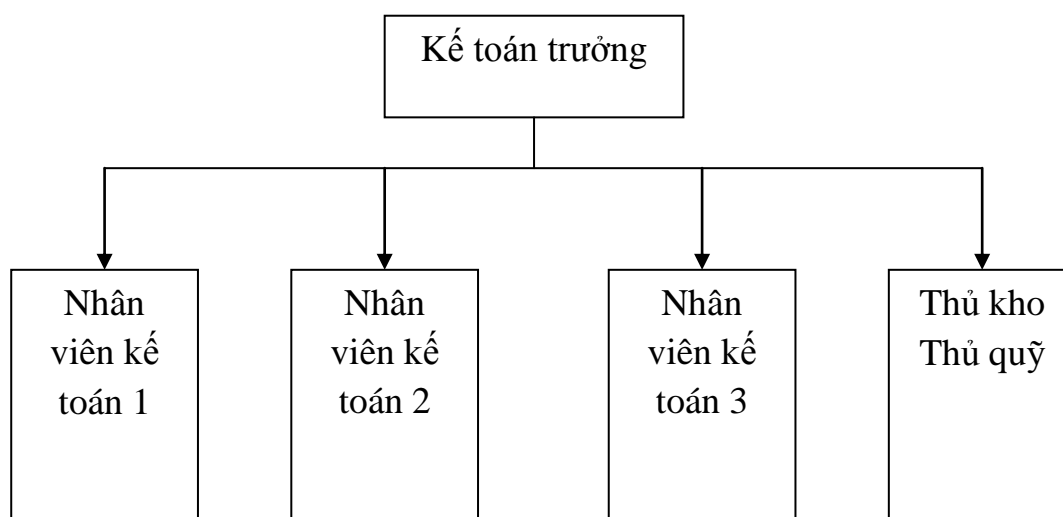
Phòng kế toán tổng hợp: quản lý hạch toán kinh doanh và quản lý tài chính, lập và theo dõi kế hoạch tài chính, phân tích hoạt động. Quản lý vốn, thanh toán các khoản với Nhà nước, thực hiện đúng chế độ kế toán.

2.1.5.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty

2.1.5.1.Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Để phát huy vai trò quan trọng của kế toán trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh đã tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tuân theo đúng các nguyên tắc tổ chức kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác, đáp ứng được yêu cầu quản lý trong cơ chế thị trường hiện nay.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán



Trong đó:

➤ **Kế toán trưởng**

- Có nhiệm vụ điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động của phòng kế toán
- Thiết lập tổ chức quản lý bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của toàn công ty
- Hoàn thành báo cáo tài chính, công nợ, thống kê quyết toán đúng thời điểm
- đảm bảo nội dung các bản báo cáo phải trung thực hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Có trách nhiệm đảm bảo về tính an toàn và bí mật cho các dữ liệu, tài liệu và sổ sách kế toán

➤ **Nhân viên kế toán 1**

- Theo dõi thu chi tiền mặt
- Quan hệ với ngân hàng
- Làm lương và quản lý sổ lương của khối văn phòng
- Theo dõi công tác bảo hiểm
- Lưu trữ sổ liên quan đến các cổ đông
- Theo dõi công nợ nội bộ

➤ **Nhân viên kế toán 2**

- Theo dõi công nợ khách hàng
- Hướng dẫn nghiệp vụ và công tác kế toán cho các đơn vị
- Lập các bảng biểu về tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh
- Làm báo cáo tài chính
- Quản lý, lưu trữ toàn bộ hồ sơ thiết bị của phòng
- Vào sổ theo dõi tài sản của công ty

➤ **Nhân viên kế toán 3**

- Chịu trách nhiệm về việc nhập số liệu xuất bán hàng, ghi nhận các hoá đơn
- Thực hiện việc kê khai thuế, theo dõi thuế hàng tháng và các khoản nộp

➤ **Thủ quỹ - thủ kho**

- Quản lý tiền, nhập xuất tiền mặt, ngân phiếu
- Quản lý hồ sơ, sổ sách liên quan đến việc thu – chi tiền

2.1.5.2. Tổ chức hệ thống tài khoản và hệ thống báo cáo kế toán.

Công ty hạch toán theo QĐ48, Hệ thống Tài khoản chi phí sản xuất của doanh nghiệp sẽ không có các TK 6221, 622, 627 vì vậy doanh nghiệp mở chi tiết các tiểu khoản 154 tương ứng

- 1541 : Chi phí NVL trực tiếp
- 1542 : Chi phí nhân công trực tiếp
- 1543 : Chi phí máy thi công
- 1547 : Chi phí SXC

Như vậy sẽ không có bước kết chuyển tập hợp chi phí sản xuất sang TK 154 như ở QĐ15 mà hạch toán trực tiếp vào các tiểu khoản của TK154, nguyên tắc tập hợp và phân bổ chi phí tương tự theo QĐ15.

Hệ thống báo cáo kế toán bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)
- Bảng cân đối phát sinh các tài khoản

Đồng tiền sử dụng: Việt nam đồng.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Hạch toán thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

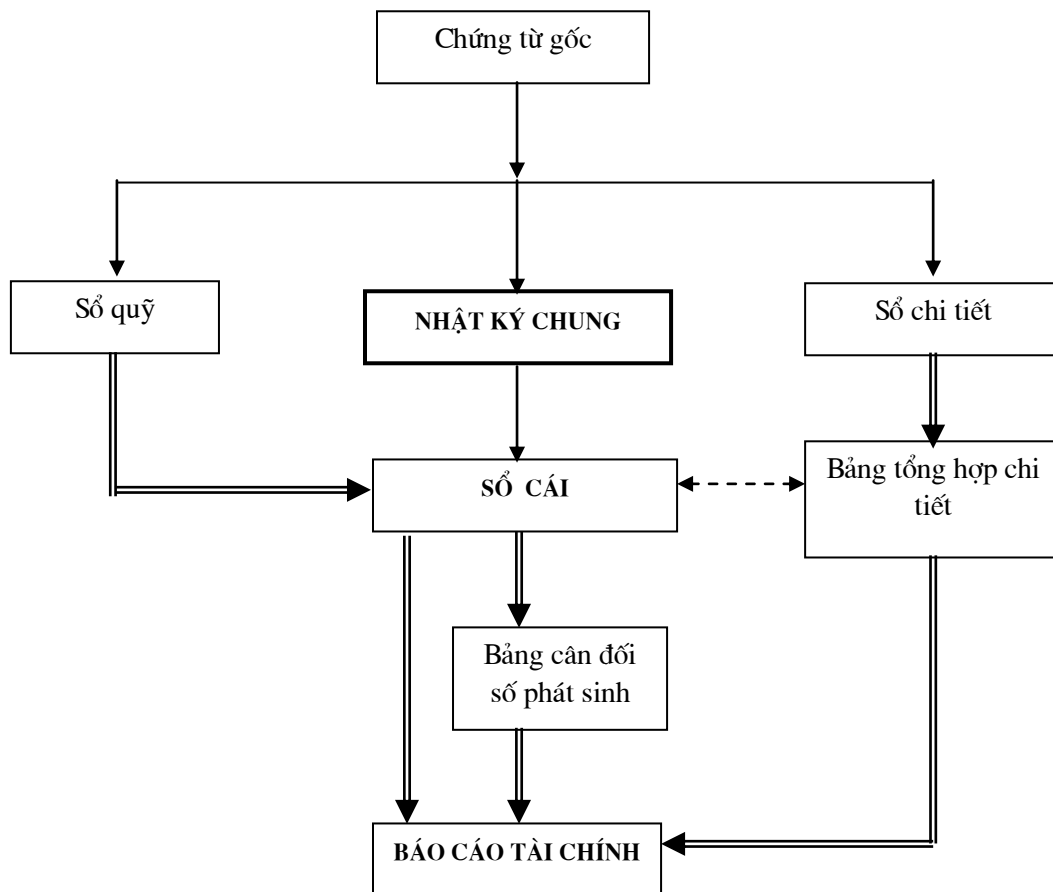
Xí nghiệp áp dụng hình thức nhật ký chung, tổ chức bộ sổ kế toán bao gồm: Sổ nhật ký chung, sổ chi tiết, sổ cái các tài khoản.

- Sổ nhật ký chung: là sổ kế toán tổng hợp sử dụng để ghi chép tất cả các hoạt động kinh tế tài chính của Xí nghiệp theo thứ tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản.

- Sổ chi tiết: Đây là sổ được mở theo dõi chi tiết cho từng đối tượng có liên quan đến các hoạt động kinh tế phát sinh.

- Sổ cái: Đây là sổ tổng hợp được mở cho mỗi đối tượng hạch toán.

Sơ đồ 2.3 - Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ (cuối tháng, quý năm)
- ←-.-> Đối chiếu, kiểm tra

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NAM ANH

2.2.1. Đặc điểm và cách phân loại chi phí

Đối với doanh nghiệp xây dựng như Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh. Chi phí xây dựng các công trình thi công được kế toán tập hợp và tiến hành thống kê chi phí, tính giá thành cho từng công trình. Thông qua bảng kê chi phí nguyên liệu, bảng chấm công, các hoá đơn mua hàng,...kế toán sẽ lập bảng thống kê chi phí xây dựng, thuế GTGT riêng cho mỗi công trình. Qua đó, xác định được chi phí xây dựng của công trình, chính là giá thành của công trình.

Chi phí tập hợp bao gồm :

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm các nguyên vật liệu phục vụ cho xây dựng như xi măng, , thép, đất ,đá...
- Chi phí nhân công trực tiếp: tiền công của các công nhân trực tiếp thi công.
- Chi phí sử dụng máy thi công: bao gồm các khoản chi cho máy thi công.
- Chi phí sản xuất chung: gồm lương của bộ phận quản lý, tiền văn phòng phẩm, tiền bồi dưỡng,...

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm

2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất

Việc xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, phù hợp với yêu cầu quản lý chi phí sản xuất kinh doanh là việc làm cần thiết, không thể thiếu được đối với công tác hạch toán chi phí sản xuất và phục vụ công tác tính giá thành tại công ty.

Xuất phát từ đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản phẩm của ngành xây dựng, để đáp ứng tốt nhu cầu quản lý, công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh đã xác định đối tượng tập hợp chi phí là những công trình, hạng mục công trình. Mỗi công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành đều được mở sổ chi tiết để theo dõi tập hợp các khoản mục chi phí cho từng công trình, hạng mục công trình.

2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Xuất phát từ đặc điểm của ngành XD CB, của sản phẩm xây lắp và tình hình thực tế của công ty mà đối tượng tính giá thành sản phẩm cũng là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Giá thành sản phẩm sẽ được tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá thành sản phẩm

2.2.3.1. Kỳ tính giá thành

Kỳ tính giá thành mà công ty thực hiện là khi công trình hoàn thành.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Phương pháp tính giá thành áp dụng tại công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh là phương pháp tính giá thành trực tiếp.

Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành thực tế cho từng công trình theo công thức:

Giá thành thực tế	Chi phí thực tế	Chi phí thực tế
KLXL hoàn thành	KLXL DD ĐK	KLXL phát sinh
bàn giao		trong kỳ

Để phản ánh giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành kế toán sử dụng TK 632” giá vốn hàng bán ”. TK này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng

mục công trình. Cuối kỳ kế toán sẽ thực hiện kết chuyển từ TK 154 sang TK 632.

2.2.4. Nội dung, trình tự kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

Để minh họa thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty em xin trích ví dụ tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành cho công trình “Biệt thự ông Thành”:

- Công trình “Biệt thự ông Thành” được khởi công từ ngày 01/09/2010 và hoàn thành ngày 30/12/2010
- Công trình được giao khoán gọn

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

❖ Nội dung

Khoản mục chi phí nguyên vật liệu trong giá thành công trình xây dựng của công ty bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (như : gạch, đá, cát ,...) vật liệu phụ (như: sơn, vôi, đinh....)

❖ Chứng từ kế toán sử dụng tại công ty

- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn GTGT

Hiện nay, công ty đang áp dụng phương pháp thực tế đích danh để tính giá trị vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này doanh nghiệp phải quản lý vật tư theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

❖ Tài khoản sử dụng

Để tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế toán sử dụng TK 154109(TK chi tiết cho công trình biệt thự ông Thành) để phản ánh toàn bộ

hao phí về nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Ngoài ra công ty còn sử dụng TK152 “Nguyên vật liệu” TK141 “Tạm ứng”...

Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và đặc điểm của sản phẩm xây lắp là địa điểm phát sinh chi phí ở nhiều nơi khác nhau, để thuận tiện cho việc xây dựng công trình, tránh vận chuyển tốn kém nên công ty tổ chức kho vật liệu ngay tại chân công trình và việc nhập, xuất vật tư diễn ra ngay tại đó.

Căn cứ vào dự toán được lập và kế hoạch tiến độ thi công công trình, cán bộ cung ứng vật tư ở đội sẽ mua vật tư về nhập kho công trình. Phiếu xuất kho được kỹ thuật công trình lập căn cứ theo yêu cầu, tiến độ thi công công trình. Phiếu xuất kho được đội trưởng công trình kiểm tra, ký và thủ kho tiến hành xuất vật tư. Phiếu xuất kho được lập làm 2 liên: một liên gửi cho phòng kế toán giữ để ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu, một liên thủ kho giữ để vào thẻ kho, sau đó tiến hành vào sổ nhật ký chung, từ sổ NKC kế toán sẽ tập hợp vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh chi tiết cho công trình “Biệt thự ông thành” TK 15409, sổ cái TK 154. Cuối tháng, đối chiếu giữa thủ kho và kế toán về số lượng xuất thống nhất giữa 2 bên, thủ kho ký xác nhận vào phiếu xuất kho và nộp lại cho kế toán.

Ví dụ: Ngày 03/10, anh Nguyễn Văn Thắng mua 441 khối cát phục vụ cho việc xây tầng 2 – Biệt thự ông Thành, đơn giá 148 600đồng/m³.

Mẫu 2.1:

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01 GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG **RB/2010B**
 Liên 2: Giao cho khách hàng **0039749**
 Ngày 03 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng:.....
 Địa chỉ:..... CÔNG TY TNHH TM & VT XUÂN LÂM
 Số tài khoản:..... Số 4/69 Đường Vòng Vạn Mỹ-P. Vạn Mỹ-NQ-HP
 Điện thoại:.....

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Thắng
 Tên đơn vị: Công ty CP TV TKXD Nam Anh
 Số tài khoản: 0102010000485139
 Hình thức thanh toán: CK MS: 0200137682

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
	Cát đen	M3	441	148 600	65 532 600
Cộng tiền hàng:					65 532 600
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			6 553 260
Tổng cộng thanh toán:					72 085 860
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy hai triệu không trăm tám lăm ngàn tám trăm sáu mươi đồng./.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký tên, đóng dấu)	

Mẫu 2.2:

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

Bộ phận:

Mẫu số:02-VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 10 năm 2010 *Nợ: 1541*

Số: 31 *Có: 152*

- Họ tên người nhận hàng: *Đỗ Văn Quỳnh* Địa chỉ(Bộ phận): *Xây dựng*
- Lý do xuất kho: xuất cho công trường thi công
- Xuất tại kho(ngăn lô) Địa điểm:

TT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
	B		D	1	2	3	4
	Cát đen		M3	259	259	148 600	38 487 400
	Cộng		x	x	x	x	38 487 400

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Ba tám triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn bốn trăm đồng./.*
- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 04 tháng 10 năm 2010

Biểu 2.1

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

Mẫu số: **S03a-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyền,HP**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

(Trích biệt thự ông Thành)

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang	
					
03/10	HĐ 016195	03/10	Mua Cát đen dùng cho biệt thự ông Thành	152 133 121	65 532 600 6 553 260	72 085 860
03/10	PX 31	03/10	Xuất vật tư cho công trình biệt thự ông Thành	1541 152	38 487 400	38 487 400
06/10	HĐ 018234	06/10	Mua xi măng dùng cho biệt thự ông Thành	152 133 331	20 000 000 2 000 000	22 000 000
09/10	PC 20/10	09/10	Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu,cho biệt thự ông thành	331 111	231.222.760	231.222.760
09/10	PKT 08	09/10	Thuê máy phục vụ thi công biệt thự ông Thành	1543 133 331	72.142.700 7.214.270	79.356.970

09/10	PKT 09	09/10	Tạm ứng chi phí bảo trì máy	1543 133 141	2.570.045 2.570.045	2.827.050
....	
18/10	PC 24/10	18/10	tạm ứng chi phí vận chuyển máy và dầu máy	141 111	1.500.000	1.500.000
20/10	PC 34/10	20/10	Tạm ứng tiền mua dầu diezen máy trộn bê tông	141 111	240.000	240.000

22/10	PX 42	22/10	Xuất đá 1x2,3x4 cho công trình Biệt thự ông Thành	1541 152	25 780 624	25 780 624
22/10	PC 36/10	22/10	Thanh toán tiền cước điện thoại T09/2010	642 111	700.377	700.377
23/10	PC39/10	23/10	Chi trả tiền tiếp khách	1547 133 111	2.720.000 272.200	2.992.200
30/10	BCC 10	30/10	Tính lương CNTT SX - CT Biệt thự ông Thành	1542 334	121.880.000	121.880.000
30/10	PKT 23	30/10	Thanh toán tiền mua sơn chống rỉ - Biệt thự ông Thành	331 141	11.594.000	11.594.000
31/10	PT 23/10	31/10	Thu hồi tạm ứng	111 141	600.000	600.000
31/10	PC 52/10	31/10	Thanh toán tiền mua công cụ dụng cụ phục vụ CT BT ông Thành	1547 133 111	8.000.000 800.000	8.800.000
					

			Cộng phát sinh		35.956.890.214	35.956.890.214
--	--	--	-----------------------	--	-----------------------	-----------------------

- Sổ này có 35 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang số 35
- Ngày mở sổ : 01/1/2010

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.2:

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

Mẫu số: **S18-DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: **5c/123, Lương Khánh Thiện, Ngô
Quyền, HP**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi tiết: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

SH: 154109

Công trình : Biệt thự ông Thành

Từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
01/09	01	01/09	Xuất xi măng cho sử dụng công trình biệt thự	152	363.002.835	
06/09	06	06/09	Xuất gạch xây cho sử dụng công trình biệt thự	152	213.004.801	
...			
03/10	61	03/10	Xuất cát cho sử dụng công trình biệt thự	152	38 487 400	

10/10	123	10/10	Xuất đá 3x4 cho sử dụng công trình biệt thự	152	31.287.200	
...			
31/12	252	31/12	Mua sơn bả cho công trình biệt thự	141	20.630.120	
			Cộng		2.032.638.948	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

❖ Nội dung

Trong giá thành xây dựng, chi phí nhân công chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong điều kiện của công ty máy thi công còn hạn chế. Do vậy việc thanh toán chi phí nhân công chính xác và hợp lý có ý nghĩa quan trọng trong giá thành, nhưng còn phụ thuộc vào tình hình thi công mà công ty đã hợp đồng, số nhân công này được tổ chức thành các tổ sản xuất phục vụ cho từng yêu cầu thi công. Mỗi tổ sản xuất do một tổ trưởng phụ trách, tổ trưởng chịu trách nhiệm quản lý lao động và chịu trách nhiệm trước đội thi công công trình.

Hình thức trả công cho lao động trực tiếp mà công ty áp dụng là giao khoán từng khối lượng công việc và khoán gọn công việc.

Khối lượng công việc được giao khoán cho từng tổ, khối lượng giao khoán đã hoàn thành tổ trưởng tổ sản xuất cùng với chỉ huy trưởng công trình tiến hành kiểm tra nghiệm thu khối lượng hoàn thành và hợp đồng giao nhận khoán gọn khối lượng làm cơ sở để thanh toán.

❖ Chứng từ sử dụng

Chứng từ được công ty sử dụng trong việc tính toán và thanh toán lương cho công nhân: Bảng chấm công được lập cho từng tổ sản xuất trong đó ghi rõ ngày làm việc, ngày nghỉ việc của lao động, căn cứ vào bảng tính và phân bổ lương....

Kế toán công ty tiến hành tính lương theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số tiền công} \\ \text{thực lĩnh} \end{array} = \frac{\text{Lương khoán}}{\text{Tổng số công quy đổi theo hệ số hoàn thành công việc}} \times \begin{array}{l} \text{Số công quy đổi} \\ \text{theo hệ số hoàn} \\ \text{thành công việc} \end{array}$$

Số công quy đổi theo hệ số hoàn thành công việc được tính dựa vào:

Hệ số tiền lương (li), hệ số hoàn thành công việc (di), và ngày công thực tế (ni)

$$\begin{array}{l} \text{Số công quy đổi theo hệ số} \\ \text{hoàn thành công việc} \end{array} = \text{Li} \times \text{di} \times \text{ni}$$

Hệ số hoàn thành công việc do đội trưởng đánh giá cho từng công nhân dựa vào mức độ hoàn thành công việc

Sau đây là hợp đồng giao nhận khoán gọn khối lượng công việc công trình “**Biệt thự ông Thành**”:

Mẫu 2.3:

Đơn vị: CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ

Mẫu số 08 - LĐTL

XD NAM ANH

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyền,HP**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN

Ngày 28 tháng 09 năm 2010

- Tên công trình: Tầng 2 **Biệt thự ông Thành**

- Địa điểm xây dựng: Quận Hải An – Hải phòng

A - Đại diện bên A

- Ông Đỗ Mạnh Hà

- Chức vụ : Chỉ huy trưởng công trình

- Bà Nguyễn Thị Lam

- Chức vụ : Kế toán

B- Đại diện bên B

- Ông : Nguyễn Văn Hoàn

- Chức vụ : Tổ trưởng tổ thợ nề

Điều 1: Sau khi bàn bạc 2 bên nhất trí giao nhận khoán gọn khối lượng thi công một số hạng mục công việc sau:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Xây tường	M2	470	70.000	32.900.000
2	Trát tường	M2	470	70.000	32.900.000
3	Đổ bê tông cầu thang	M2	20	80.000	1.600.000
4	Đổ bê tông	M3	60	80.000	4.800.000
5	Gia công thép	Kg	12.440	1000	12.440.000
6	Xây các cột trụ trang trí và tường rào lan can	Công	25	160.000	4.000.000
7	ốp tường và nền	Công	189	160.000	30.240.000
8	Công phát sinh	Công	20	160.000	3.000.000

	Cộng				121.880.000
--	-------------	--	--	--	--------------------

Điều 2: Yêu cầu đảm bảo kỹ thuật, đúng bản vẽ, thi công đúng tiến độ yêu cầu.

Điều 3: Chế độ an toàn lao động bên B phải chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động. Nếu xảy ra tai nạn lao động bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Điều 4 : Thời gian bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm 2010 hoàn thành vào ngày 29 tháng 10 năm 2010.

Điều 5: Chế độ thanh toán ứng 75% khối lượng, phần còn lại khi nghiệm thu xong sẽ thanh toán nốt

Điều 6 : Thuởng phạt:

- Đảm bảo kỹ thuật và đúng thời gian, thưởng 2% khối lượng hoàn thành
- Không đảm bảo đúng theo yêu cầu kỹ thuật, không đáp ứng theo tiến độ sản xuất phạt 5% khối lượng đã làm

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Chỉ huy trưởng

Kế toán

Kỹ thuật

Tổ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Sau khi kết thúc hợp đồng tổ trưởng cùng chỉ huy trưởng công trình tiến hành kiểm tra và nghiệm thu

Mẫu 2.4:

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ**

XD NAM ANH

Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô**

Quyền,HP

Mẫu số 09 - LĐTL

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

A- Đại diện bên giao:

- Ông Đỗ Mạnh Hà - Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

B - Đại diện bên nhận:

- Ông Nguyễn Văn Hoàn - Chức vụ: Tổ trưởng tổ thợ nề

Căn cứ vào hợp đồng số 05 ngày 28 tháng 09 năm 2010 đã ký giữa 2 bên A và B đến nay công việc đã hoàn thành 2 bên nhất trí nghiệm thu khối lượng:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	Xây tường	M2	470	70.000	32.900.000
2	Trát tường	M2	470	70.000	32.900.000
3	Đổ bê tông cầu thang	M2	20	80.000	1.600.000
4	Đổ bê tông	M3	60	80.000	4.800.000
5	Gia công thép	Kg	12.440	1000	12.440.000
6	Xây các cột trụ trang trí và tường rào lan can	Công	25	160.000	4.000.000
7	ốp tường và nền	Công	189	160.000	30.240.000
8	Công phát sinh	Công	20	160.000	3.000.000
	Cộng				121.880.000

Về thời gian: Đạt yêu cầu

Về chất lượng: Đạt chất lượng

Thưởng phạt: Không

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Chỉ huy trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán

(ký, họ tên)

Kỹ thuật

(ký, họ tên)

Tổ trưởng

(ký, họ tên)

Đơn giá nhân công là đơn giá nội bộ công ty do phòng quản lý kỹ thuật công trình lập dựa trên cơ sở đơn giá quy định của nhà nước, sự biến động của thị trường và điều kiện thi công cụ thể nên lao động trực tiếp ở các công trình thuộc diện ngắn hạn hoặc hợp đồng thời vụ. Do vậy BHXH, BHYT không tính cho công nhân theo tháng mà tính toán hợp lý trong đơn giá nhân công trả trực tiếp cho người lao động dựa trên bảng nghiệm thu khối lượng khoán gọn hoàn thành gửi kèm lên phòng kế toán của công ty để xin thanh toán.

Sau khi hoàn thành các thủ tục cần thiết, kế toán lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền lương cho các tổ trưởng căn cứ vào bảng thanh toán khối lượng hoàn thành, phiếu đề nghị thanh toán, phiếu chi, kế toán tiến hành định khoản và ghi vào sổ kế toán liên quan.

- Trích bảng tính lương và bảng chấm công của công nhân trực tiếp thi công (công nhân của công ty) tháng 10, số lương phải trả là: 121.880.000 đồng.
Kế toán ghi sổ:

Nợ TK 622: 121.880.000 đ - Ctrình “Biệt thự ông Thành”

Có TK 334: 121.880.000 đ

Dưới đây là các bảng biểu, sổ kế toán thể hiện quá trình hạch toán chi phí nhân công trực tiếp của công trình: “Biệt thự ông Thành”

Biểu 2.3:

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**
Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyền,HP**

Mẫu số 01a - LĐTL
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

BẢNG CHẤM CÔNG VÀ CHIA LƯƠNG

Tháng 10 năm 2010

Bộ phận: Công trình “ Biệt thự ông Thành”

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày trong tháng					Tổng công	Lương NC	Tổng lương	Ký
			1	2	3	...	30				
1	Nguyễn Văn Hoàn	TT	x	x	x		x	26	160.000	4.160.000	
2	Nguyễn Thanh Hưng	CN	x	x	x		x	24	150.000	3.600.000	
	CN	
31	Nguyễn Văn Chiến	CN	x	x	x	...	x	26	140.000	3.640.000	
	Cộng									121.880.00 0	

Từ Biểu 2.3 kế toán tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.1), từ Biểu 2.1 kế toán sẽ tiến hành ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh 154209 (Chi tiết cho công trình biệt thự ông Thành (Biểu 2.4)

Biểu 2.4:

**Đơn vị: CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

**Địa chỉ: 5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyên,HP**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

TK 154209: Chi phí nhân công trực tiếp

Công trình : Biệt thự ông Thành

Từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			SDDK			
30/09	5	30/09	Tính lương CN TTSX – CT BT ông Thành	334	152.800.000	
30/10	17	30/10	Tính lương CN TTSX – CT BT ông Thành	334	121.880.000	
29/11	72	29/11	Tính lương CN TTSX - CT BT ông Thành	334	143.955.000	
29/12	114	29/12	Tính lương CN TTSX - CT BT ông Thành	334	169.960.000	
			Cộng		588.595.000	

2.2.4.3. Hạch toán chi phí sử dụng máy thi công tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.

Hiện nay công ty CP tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh, phần lớn các công trình mà Công ty thi công phân bố rải rác ở khắp nơi nên việc vận chuyển máy thi công gặp nhiều khó khăn nhiều khi không thực hiện được, nên công ty chọn hình thức thuê ngoài máy thi công cho các công trình khi đội trưởng đề xuất để phục vụ kịp thời sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thi công. Các chứng từ sử dụng để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình hạng mục công

trình trong trường hợp thuê máy là “ Hợp đồng thuê máy ”, “ Bảng kê chi phí thuê máy ”(Biểu 2.5), “ biên bản thanh lý hợp đồng thuê máy ” (Mẫu 2.5). Để tập hợp chi phí sử dụng máy thi công Công ty sử dụng TK 1543 “ Chi phí sử dụng máy thi công ”. Từ “ Bảng kê chi phí thuê máy ” kê toán tiến hành vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.1), từ biểu 2.1 này kê toán lấy số liệu cho vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh (TK154309 – Mở chi tiết cho công trình biệt thự ông Thành) (Biểu 2.6).

Mẫu 2.5:

**Đơn vị: CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**Địa chỉ: 5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyên,HP**

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG CHO THUÊ MÁY

Vào hồi 16h ngày 05/09/2010

Căn cứ vào hợp đồng ngày 03/09/2010 giữa Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh (A) với đội máy xúc, máy đầm HÀ NAM (B) về thuê phá dỡ nền móng cũ.Căn cứ vào khối lượng thực hiện ,bên B được bên A xác nhận 2 bên thanh lý hợp đồng bao gồm:

-Tổng số giờ làm việc:65h

-Đơn giá 1h làm việc :250.000 đ/h

Tổng số tiền bên A phải trả cho bên B: 16.227.272 đ

Thuế GTGT(10%) : 1.622.727,2 đ

Bên A đã trả tiền cho bên B : 17.850.000 (Bằng sec)

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÒNG KỸ THUẬT

PHÒNG KẾ TOÁN

Biểu 2.5:

**Đơn vị: CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

**Địa chỉ: 5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyền,HP**

BẢNG KÊ CHI PHÍ THUÊ MÁY THI CÔNG

Công trình : Biệt thự ông Thành

Từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Trích yếu	Số tiền		
Số	Ngày		Chưa VAT	Thuế VAT	Tổng cộng
01	01/09	Thuê cầu, máy ép cọc phục vụ thi công – CT Biệt thự ông Thành	45.512.500	4.551.250	50.063.750
146	03/09	Thuê máy xúc, máy đâm – CT BT ông Thành	16.227.272	1.622.727,2	17.850.000,2
08	09/12	Thuê máy phục vụ thi công – CT BT ông Thành	51.233.610	5.123.361	56.356.970
		Cộng	112.973.382	11.297.338,2	124.270.720,2

Ngày 31/12/2010

Biểu 2.6:

**Đơn vị: CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

**Địa chỉ: 5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyền,HP**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

TK 154309: Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình : Biệt thự ông Thành

Từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
01/09	01	01/09	Thuê máy cầu phục vụ thi công – BT ông Thành	331	45.512.500	
03/09	146	03/09	Thuê máy xúc , máy đầm phục vụ thi công – BT ông Thành	141	16.227.272	
09/12	08	09/12	Thuê máy phục vụ thi công – BT ông Thành	331	51.233.610	
			Cộng		112.973.382	

Ngày 31/12/2010

2.2.4.4 . Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.

❖ Nội dung

Chi phí sản xuất chung của đội là chi phí của đội, công trường xây dựng, bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý công trình, quản lý đội bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (22% /2010)

+ Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính theo tỷ lệ quy định (22%)
trên tiền lương của công nhân trực tiếp sản xuất (trong danh sách)

+ Chi phí công cụ dụng cụ

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ Chi phí bằng tiền khác

+ Chi phí khấu hao TSCĐ

❖ Chứng từ sử dụng

Công ty sử dụng các chứng từ như : bảng kê xuất công cụ dụng cụ, tờ kê trích BHXH

❖ Tài khoản sử dụng

Đề tập hợp chi phí sản xuất chung công ty sử dụng TK 1547 “ Chi phí sản xuất chung ”.

a. Chi phí nhân viên quản lý đội công trình

Chi phí nhân viên quản lý bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý đội , cán bộ thống kê đội...Đối với chi phí gián tiếp ở công ty thì phương pháp tính lương là theo dõi thời gian chấm công của nhân viên. Do đó việc thanh toán các khoản lương chính, phụ cấp,...do phòng kế toán công ty thực hiện căn cứ vào các bảng chấm công ở các bộ phận gửi lên và căn cứ vào chế độ chính sách hiện hành của nhà nước về tiền lương và phân bổ quỹ tiền lương của công ty.

Hàng tháng căn cứ vào bảng chấm công phòng kế toán công ty tiến hành tính lương và các khoản trích theo lương cho nhân viên quản lý đội công trình. Tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất của công trình nào thì tính trực tiếp vào chi phí của công trình đó. Còn chi phí tiền lương nhân viên quản lý đội và các khoản trích của công nhân viên quản lý đội sẽ được phân bổ cho các công trình theo tiêu thức tiền lương thực tế của công nhân trực tiếp sản xuất.

Trích bảng thanh toán lương tháng 10 năm 2010

Tại đội thi công công trình “Công trình Biệt thự ông Thành” có 3 nhân viên quản lý đội là:

- + Ông Đỗ Mạnh Hà Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật
- + Ông Nguyễn Thanh Tùng Chức vụ: Phụ trách vật liệu

Biểu 2.7:

Bảng tính lương nhân viên quản lý đội công trình

Công trình: **Biệt thự ông Thành**

Tháng 10 năm 2010

Stt	Họ và tên	Lương chính (đ)	Phụ cấp (đ)	Các khoản trích theo lương (22%) (đ)			
				BHXH (16%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)
1	Đỗ Mạnh Hà	3.800.000	300.000	608.000	114.000	38.000	76.000
2	Nguyễn Thanh Tùng	2.000.000	150.000	320.000	60.000	20.000	40.000
	Cộng	5.800.000	450.000	928.000	174.000	58.000	116.000

Ngày 30/10/2010

Người Lập

Kế toán trưởng

b. Chi phí công cụ dụng cụ

Công cụ, dụng cụ trong công ty bao gồm cuốc ,xẻng, bóng điện, găng tay....Chi phí công cụ dụng cụ được hạch toán vào TK1547

Căn cứ vào giá trị mua đầu vào của công cụ dụng cụ mà quyết định công cụ là phân bổ 1 lần hay nhiều lần

Cụ thể ngày 4 tháng 10 công ty xuất dùng các dụng cụ như cuốc, xẻng, găng tay, giày bata, mũ để phục vụ cho công nhân xây dựng công trình Biệt thự ông Thành với số tiền là : 1.050.000

Công cụ dụng cụ này với giá trị đầu vào nhỏ nên được phân bổ 1 lần kế toán ghi khi xuất công cụ

Nợ TK 142 : 1.050.000

Có TK 153 : 1.050.000

Số chi phí về công cụ dụng cụ xuất dùng này được tính vào chi phí sản xuất chung là :

Nợ TK 1547 : 1.050.000

Có TK 142 : 1.050.000

Biểu 2.8:

BẢNG KÊ XUẤT CÔNG CỤ DỤNG CỤ CHO SẢN XUẤT

(Công trình Biệt thự ông Thành)

Trích tháng 10 /2010

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 153/ Nợ TK	
	Số	Ngày		142	Tổng cộng
1		4/10	Xuất vật tư, CCDC vào CT	1.050.000	1.050.000
2		10/10	Xuất vật tư, CCDC vào CT	186.540	186.540
3		22/10	Xuất vật tư, CCDC vào CT	1.488.300	1.488.300
...
6		31/10	Xuất vật tư, CCDC vào CT	582.660	582.660
			Cộng	5.752.800	5.752.800

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

c. Chi phí khấu hao TSCĐ

Tại công ty CP tư vấn thiết kế Nam Anh chi phí khấu hao TSCĐ được tập hợp vào TK 1547

Công ty tiến hành trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng

$$\text{Mức KH bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng}} \times \text{Tỷ lệ trích KH}$$

$$\text{Mức KH bình quân tháng} = \frac{\text{Mức KH bình quân năm}}{12 \text{ (tháng)}}$$

Cuối tháng căn cứ vào bảng trích khấu hao kế toán tiến hành định khoản

Nợ TK 1547 : 7.251.040

Có TK 214 : 7.251.040

Biểu 2.9:

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

Tháng 10

STT	Tên TSCĐ	Ghi Có TK 214, ghi Nợ các TK			Cộng
		TK 627 CT VKSHA	TK 627 CT BTÔT	TK627 CT....	
1	Máy công cụ	1.936.000	651.000	2.587.000
2	Thiết bị dụng cụ quản lý	680.000	209.000		889.000

	Cộng	3.616.000	1.860.000		7.251.040

d. Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh tại các tổ đội xây lắp bao gồm tiền điện, nước, điện thoại, tiền phô tô.....

Để tập hợp chi phí dịch vụ mua ngoài phát sinh liên quan đến hoạt động của các tổ đội xây lắp kế toán sử dụng TK 15477 ‘ Chi phí dịch vụ mua ngoài ’ TK này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Cuối tháng đội trưởng đội xây lắp tập hợp các chứng từ hoá đơn thanh toán với người cung cấp dịch vụ cùng bảng kê thanh toán HĐGTGT về phòng kế toán công ty

Sau khi kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ này kế toán định khoản như sau (số liệu tháng 10)

Mẫu 2.6:

Ví dụ:

**Bảng kê bán lẻ hàng hóa dịch vụ
(Ngày 18 tháng 10 năm 2010)**

Mã số:

Tên cơ sở kinh doanh: Cửa hàng Mạnh Diệp
 Địa chỉ: Số 153 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, HP
 Họ tên người bán hàng:.....
 Địa chỉ nơi bán hàng:.....

STT	Tên hàng hoá, Dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
	cây thuốc lá du lịch	Cây	2	160.000	320.000
	chè Thái Nguyên	Kg	2	60.000	120.000
	bật lửa	cái	5	1.500	7.500

Tổng cộng tiền thanh toán : 447.500
 Tổng số tiền (bằng chữ) :Bốn trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng./.

e. Chi phí bằng tiền khác

Chi phí bằng tiền khác bao gồm chi phí giao dịch, tiếp khách, hội nghị...
 được tập hợp vào TK 15478

Ví dụ chi phí giao dịch tiếp khách xin cấp phép xây dựng biệt thự:

Nợ TK 1547 : 2.720.000

Nợ TK 1331 : 272.200

Có TK 1111 : 2.992.200

Mẫu 2.7

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ XD
 NAM ANH**

Mẫu số: 02- TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô Quyền,HP**

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Quyển số:

Ngày 23 tháng 10 năm 2010

Số: 39

Nợ TK 1547 : 2.720.000

Nợ TK 1331 : 272.200

Có TK 1111 : 2.992.200

Họ tên người nhận tiền: **NGUYỄN THU TRÀ**

Địa chỉ: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ XD NAM ANH**

Lý do chi: *Chi trả tiền tiếp khách*

Số tiền: **2.993.000 VND**

Viết bằng chữ: *Hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo: Chứng từ gốc:.....

Ngày 23 tháng 10 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ):*Hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Từ các chứng từ, mẫu, biểu kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.1)

Biểu 2.10

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ**

Mẫu số S03b-DNN

XD NAM ANH

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô**

Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

Quyền,HP

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

TK 154709: Chi phí sản xuất chung

Tên công trình : Biệt thự ông Thành

Từ ngày 01/09/2010 đến ngày 31/12/2010

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số tiền	
	Số	Ngày			Nợ	Có
	
02/10	PC 4/10	02/10	Thanh toán tiền phôtô, công chứng tài liệu	111	2.736.000	
23/10	PC 20/10	23/10	Thanh toán chi phí tiếp khách	111	2.720.000	
30/10	PC 51/10	30/10	Tiền lương nhân viên quản lý đội	334	21.254.395	
31/10	PC 52/10	31/10	Thanh toán tiền mua công cụ dụng cụ phục vụ CT BT ông Thành	111	8.000.000	
31/12	PKKTT S12	31/12	Phân bổ chi phí KH TSCĐ	214	7.251.040	
					

			Cộng		145.251.769	
--	--	--	------	--	-------------	--

Ngày 31/12/2010

2.2.4.5. Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh.

❖ Tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tại công ty Cp tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh là từng công trình, hạng mục công trình. Nên phương pháp tập hợp chi phí sản xuất ở công ty là tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình. Do đó các phát sinh trong tháng, quý được theo dõi cho từng công trình.

❖ Tính giá thành sản phẩm

• Đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành

Xuất phát từ đặc điểm của ngành XDCCB, của sản phẩm xây lắp và tình hình thực tế của công ty mà đối tượng tính giá thành sản phẩm cũng là đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Giá thành sản phẩm sẽ được tính cho từng công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

Kỳ tính giá thành mà công ty thực hiện là khi công trình hoàn thành.

• Phương pháp tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty

Trước khi thi công một công trình, cán bộ kỹ thuật của công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh sẽ tính giá thành dự toán của công trình.

Giá thành dự toán của công ty Nam Anh căn cứ vào:

- Bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật tùy theo công trình thiết kế 1, 2 hay 3 bước để xác định khối lượng công tác xây lắp phải thực hiện

- Hệ thống các định mức dự toán xây dựng cơ bản do Bộ Xây dựng quy định và các văn bản của Nhà nước về hướng dẫn lập và quản lý chi phí xây dựng.

- Đơn giá xây dựng cơ bản của từng địa phương do UBND cấp tỉnh, thành phố ban hành bao gồm chi phí trực tiếp về vật liệu, nhân công, chi phí máy thi công.

- Bảng giá các loại vật liệu, chi tiết, kết cấu, bảng giá ca máy, tiền lương công nhân xây lắp.

Từ những căn cứ trên, Công ty xác định giá thành xây lắp theo các khoản mục trong bảng sau

Mẫu 2.8:

Kết cấu giá thành dự toán sản phẩm xây lắp

TT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Kết quả
1	Chi phí trực tiếp	$VL + NC + M$	T
1.1	Chi phí vật liệu	$\sum Q_j \times D_j^{vl} + CL^{vl}$	VL
1.2	Chi phí nhân công	$\sum Q_j \times D_j^{nc} \times (1 + K^{nc})$	NC
1.3	Chi phí máy thi công	$\sum Q_j \times D_j^m \times (1 + K^m)$	M
2	Chi phí chung	$P \times NC$	C
3	Giá thành dự toán xây lắp	$T + C$	Z

Trong đó:

Q_j : Khối lượng công tác xây dựng thứ j

$D_j^{vl}, D_j^m, D_j^{nc}$: Chi phí vật liệu, nhân công, máy thi công trong đơn giá xây dựng cơ bản của công tác xây dựng thứ j

P: Định mức chi phí chung.

CL^{vl} : Chênh lệch vật liệu (nếu có)

K^{nc}, K^m : Hệ số điều chỉnh nhân công và máy thi công (nếu có)

Sau khi đã có giá thành dự toán của công trình, cán bộ kỹ thuật sẽ dựa trên bản vẽ để thi công trình, sau khi công trình hoàn thành, cán bộ quản lý của công ty sẽ so sánh giá thành thực tế và giá thành dự toán để có phương hướng điều chỉnh cho các công trình tiếp theo.

Giá thành thực tế:

Phương pháp tính giá thành áp dụng tại công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh là phương pháp tính giá thành trực tiếp.

Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp được và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ và chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ kế toán tiến hành tính giá thành thực tế cho từng công trình theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{KLXL hoàn thành} \\ \text{bàn giao} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL DD ĐK} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thực tế} \\ \text{KLXL phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Đối với công trình: Biệt thự ông Thành thì giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao vào 31/12/2010. Tập hợp chi phí sản xuất của công trình:

- Chi phí nguyên vật liệu: 2.032.638.948 đồng
- Chi phí nhân công: 588.595.000 đồng
- Chi phí máy: 112.973.382 đồng
- Chi phí chung: 145.251.769 đồng

Giá thành

$$\begin{array}{l} \text{KLXL hoàn thành bàn giao} \\ \text{Giá thành} \end{array} = 0 + (2.032.638.948 + 588.595.000 + 112.973.382 + 145.251.769) = 2\ 879\ 459\ 099$$

Để phản ánh giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành kế toán sử dụng TK 632” giá vốn hàng bán”. TK này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình. Cuối kỳ kế toán sẽ thực hiện kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 theo định khoản sau:

Nợ TK 632: 2 879 459 099

Có TK 154 : 2 879 459 099

Biểu 2.11:

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT KẾ
XD NAM ANH**
Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyền,HP**

Mẫu số S19-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của bộ trưởng BTC)

THẺ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP

Công trình Biệt thự ông Thành

Năm 2010

Chỉ tiêu	Tổng cộng	Chi phí NVLTT	Chi phí NCTT	Chi phí SDMTC	Chi phí SXC
CPSXKDDD đầu kỳ	0				
CPSXKD phát sinh trong kỳ	2 879 459 099	2.032.638.948	588.595.000	112.973.382	145.251.769
Giá thành sản xuất	2 879 459 099				
CPSXKDDD cuối kỳ					

Ngày 31/12/2010

Biểu 2.12:

Đơn vị: **CÔNG TY CP TƯ VẤN, THIẾT
KẾ XD NAM ANH**
Địa chỉ: **5c/123,Lương Khánh Thiện,Ngô
Quyên,HP**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Trích công trình : Biệt thự ông Thành

Năm: 2010

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
01/09	01	01/09	Xuất cho sử dụng công trình biệt thự	1521	663.002.835	
06/09	06	06/09	Xuất cho sử dụng công trình biệt thự	1521	213.004.801	
					
30/10	17	30/10	Tính lương CN TTSX – CT BT ông Thành	334	121.880.000	
					
09/12	08	09/12	Thuê máy phục vụ thi công – BT ông Thành	331	72.142.700	
					
31/12	PKKT TS12	31/12	Phân bổ chi phí KH TSCĐ	214	7.251.040	
					
31/12	PKT 269	31/12	Kết chuyển chi phí SXKDDD sang giá vốn hàng bán	632		2 482 965 162
			Cộng phát sinh		2 879 459 099	2 482 965 162
			Số dư cuối kỳ		396 493 937	

- Sổ này có 10 trang, đánh số từ trang 1 đến trang 10

- Ngày mở sổ: 01/01/2010

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

Chương 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG NAM ANH

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, xu thế hội nhập đã và đang đưa đến cho doanh nghiệp rất nhiều cơ hội và không ít những thách thức mà doanh nghiệp phải đối đầu. Vì vậy, việc xác định một bộ máy quản lý và bộ máy kế toán có tính khoa học và hiệu quả là một điều rất cần thiết cho mỗi doanh nghiệp. Nắm bắt được tình hình đó mà Công ty luôn cố gắng tìm mọi biện pháp để hòa nhập cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Một trong những cố gắng đó là Công ty luôn quan tâm đến việc tổ chức công tác kế toán trong Công ty, trong các khâu đó phân hệ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành được công ty thực sự lưu tâm. Nhờ đó mà đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong nền kinh tế thị trường. Cũng vì thế mà Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ của Công ty và nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, đời sống cán bộ công nhân viên và người lao động ngày càng được nâng cao. Đó là phần thưởng xứng đáng cho sự nỗ lực liên tục không ngừng của tất cả các phòng ban trong Công ty trong đó bộ máy kế toán là một trong những bộ phận quan trọng. Vì chính bộ phận này giúp cho các nhà quản lý của Công ty đưa ra được các quyết định đúng đắn để đạt được những kết quả kinh doanh nhất định.

Qua tìm hiểu thực tế tại Công ty, em thấy Công ty đã và đang tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành nói riêng có những ưu nhược điểm như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Với bộ máy quản lý tương đối gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phụ vụ có hiệu quả cho lãnh đạo công ty trong việc giám sát sản xuất thi công, quản lý kinh tế. Công ty đã đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm và có hiệu quả. Cụ thể công ty đã thực hiện hình thức khoán theo giá dự toán nội bộ để vừa quản lý được lao động vừa quản lý được vật tư, động viên khuyến khích người lao động. Ngoài ra công ty còn chia lao động thành lao động trong và ngoài danh sách để huy động được linh hoạt.

Phòng kế toán của công ty gồm 5 người được bố trí một cách gọn nhẹ khoa học, phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng, có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, trung thực với công việc vì vậy hạn chế được nhiều gian lận và sai sót. Trong quá trình hạch toán, kế toán đã vận dụng một cách khoa học hệ thống tài khoản kế toán do nhà nước quy định. Công ty đã mở những sổ sách kế toán phản ánh từng công trình, hạng mục công trình.

Về công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nhìn chung tương đối khoa học và hợp lý. Công ty đã xác định rõ đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp là những công trình, hạng mục công trình có giá dự toán riêng. Theo đó công ty có thể đối chiếu kịp thời thực tế sản xuất thi công với dự toán để từ đó tìm ra nguyên nhân chênh lệch, rút ra bài học quản lý một cách nhanh nhất. Giá thành sản phẩm xây lắp của công ty được xác định theo từng khoản mục, yếu tố chi phí sản xuất phù hợp với yêu cầu hạch toán của chế độ kế toán hiện hành.

Nhìn chung công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm của công ty đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra về thời gian và tính chính xác. Mặt

khác chi phí sản xuất được tập hợp trực tiếp, giảm bớt việc phân bổ chi phí cuối kỳ làm tăng mức độ chính xác cho việc tính giá thành sản phẩm.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm cần phát huy của mình, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp ở công ty còn một số tồn tại chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thật sự khoa học cần phải khắc phục như

+ *Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:*

Những loại vật tư trên công trình (ngoài kho) thường có hao hụt do ảnh hưởng của thời tiết và cả do không được thu gom thường xuyên nhưng vẫn được tính vào công trình làm tăng chi phí sản xuất so với thực tế.

+ *Về chi phí nhân công trực tiếp:*

Công ty đã chấm công tối đa là 31 ngày/ tháng, người lao động không được hưởng tiền bồi dưỡng do làm thêm giờ hoặc trả tiền dưới dạng khoản khác mà tất cả tính vào lương chính của công nhân.

+ *Về chi phí sản xuất chung:*

Hiện nay công ty chỉ dựa vào giá trị mua đầu vào để quyết định là công cụ dụng cụ phân bổ một lần hay nhiều lần dẫn đến sự không hợp lý trong phân bổ chi phí sản xuất chung làm cho việc tính chi phí không chính xác.

Mọi chi phí thuộc chi phí sản xuất chung công ty đều hạch toán chung vào TK 1547 mà không mở chi tiết các TK cấp 3 cho TK này

+ *Về việc vào sổ sách cho công trình:*

Kế toán tập hợp chứng từ tiến hành ghi sổ theo thời gian từ khởi công đến khi hoàn thành, như vậy sẽ ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính hàng tháng, hàng quý của công ty.

3.2. Tính tất yếu, yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

3.2.1. Tính tất yếu

Xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập phát triển kinh tế Thế giới đã mang đến cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội mới để phát triển nhưng đồng thời cũng chứa đựng trong lòng nó những thách thức. Hơn bao giờ hết, để vượt qua những thách thức mang tính cạnh tranh khốc liệt này đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn luôn tìm ra các giải pháp hữu hiệu và sử dụng có hiệu quả các biện pháp quản lý một cách tốt nhất. Khi làm được điều đó thì doanh nghiệp sẽ đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, giúp doanh nghiệp có thể tự tin, đứng vững trên thị trường trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt như hiện nay. Góp phần không nhỏ trong mục tiêu lớn này của mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất thì công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành luôn là yếu tố quan trọng để doanh nghiệp có thể tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Nhất là khi giá cả chịu sự tác động khách quan của quy luật giá trị đòi hỏi nhà sản xuất phải cải tiến kỹ thuật, tổ chức sản xuất kinh doanh hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí, giảm tối đa chi phí cá biệt của doanh nghiệp so với chi phí xã hội cần thiết. Bên cạnh đó, việc tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là tiền đề để tiến hành hạch toán sản xuất kinh doanh, xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có sự đánh giá đúng thực trạng của doanh nghiệp. Vì vậy, trong các doanh nghiệp sản xuất luôn phải chú trọng công tác kế toán và thường xuyên tìm mọi cách để hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Ngoài ra, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành một cách đầy đủ, chính xác còn là vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Bởi giá thành ảnh hưởng trực tiếp đến tổng lợi nhuận của doanh nghiệp, từ đó nguồn thu cho ngân sách Nhà nước thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp không bị thất thoát. Điều này góp phần thúc đẩy xã hội ngày càng phát triển trên mọi lĩnh vực.

Tại Công ty, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn. Những hạn chế cần được khắc phục và tìm ra

biện pháp tối ưu để Công ty ngày càng phát triển hơn, khẳng định tên tuổi của mình trên thị trường xây dựng.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

- Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty với chế độ kế toán chung. Bởi mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất riêng do đó không thể có một mô hình kế toán chung phù hợp với tất cả các doanh nghiệp mà Nhà nước chỉ có thể ban hành các chính sách, các quy định chung cho tất cả các loại hình doanh nghiệp. Mà những quy định này mang tính chất định hướng, hướng dẫn cho các doanh nghiệp. Vì thế, vận dụng mô hình chung một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của Công ty sẽ giúp cho Công ty đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và kế toán nói riêng.

- Đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán của Nhà nước, trong chế độ thể lệ kế toán do Nhà nước ban hành với chế độ kế toán đặc thù của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Bởi vì trong điều kiện kinh tế thị trường như hiện nay, các doanh nghiệp phải chịu sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, các biện pháp hành chính và công cụ quản lý kinh tế. Chính vì vậy, các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán phải dựa trên chế độ kế toán hiện hành. Có như vậy kế toán mới thực sự là công cụ quản lý không chỉ trong phạm vi doanh nghiệp mà của Nhà nước đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Việc tuân thủ chế độ kế toán hiện hành thể hiện từ việc tuân thủ tài khoản sử dụng, phương pháp và trình tự kế toán đến việc sử dụng hệ thống kế toán, lập các báo cáo tài chính.

- Đảm bảo sự tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở Công ty. Muốn vậy, Công ty phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

- Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho các nhà quản trị doanh nghiệp. Đây là yêu cầu không thể thiếu được trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành. Như chúng ta đã biết, kế toán là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý của các nhà quản trị trong doanh nghiệp. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp để nhà quản trị ra các quyết định đúng đắn.

3.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm đã làm được tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho Công ty. Bằng những kiến thức đã được đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn, em xin đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Ý kiến 1 :Về kế toán chi phí nguyên vật liệu

Trong thực tế tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất ở các công trường của công ty là khá cao. Như vậy là lãng phí nguyên vật liệu, vì vậy để quản lý sát sao hơn khoản mục chi phí nguyên vật liệu theo em công ty nên:

- Công ty cần tổ chức theo dõi chặt chẽ hơn đối với vật tư về số vật tư thực tế xuất dùng và số tồn cuối kỳ chưa sử dụng hết. Để nâng cao quản lý và xác định được chi phí vật tư tồn kho cuối mỗi kỳ kế toán , công ty nên thành lập ban kiểm kê vật tư để xác định khối lượng vật tư còn tồn kho đến cuối kỳ kế toán từ đó tính ra được số vật tư tiêu hao cho từng công trình

VD : Biên bản kiểm kê vật tư

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Công ty : Cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Công trình :

Thời điểm kiểm kê :

Ban kiểm kê gồm :

Ông / bà.....Chức vụ.....

Ông / bà.....Chức vụ.....

.....

Đã kiểm kê vật tư tại chân công trình có những vật tư dưới đây:

STT	Tên vật tư	ĐVT	ĐG	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch			
				SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu	
								SL	TT	SL	TT
	Cát đen	M ³	148 600	500	...	499,8			0,2	

Ý kiến 2: Về chi phí nhân công trực tiếp

Công ty chỉ nên duyệt chấm công tối đa là 26 ngày/ tháng. Nếu do điều kiện phải làm thêm để kịp tiến độ công việc thì những ngày từ ngày 27 trở đi chuyển thành ngày làm thêm, người lao động sẽ được hưởng tiền bồi dưỡng do làm thêm giờ hoặc trả tiền dưới dạng khoản khác nhưng không được tính vào lương chính như các đội của Công ty làm hiện nay.

Ý kiến 3: Về chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung bao gồm các yếu tố sau :

- + Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng
- + Chi phí công cụ dụng cụ
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí bằng tiền khác
- + Chi phí khấu hao TSCĐ

Toàn bộ chi phí trên được hạch toán vào TK1547 ‘ Chi phí sản xuất chung” và được mở chi tiết cho tài khoản cấp 3 cụ thể là :

- + TK 15471 : Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng
- + TK 15473 : Chi phí công cụ dụng cụ
- + TK 15474 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 15477 : Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tk 15478 : Chi phí bằng tiền khác

Thực tế ở công ty các chi phí sản xuất chung đều được hạch toán chung vào TK 1547 mà không được mở chi tiết cho các tài khoản cấp 3. Việc này rất khó khăn cho quá trình phân tích các yếu tố chi phí thuộc sản xuất chung. Do đó chúng ta khó đề ra các biện pháp nhằm quản lý, tiết kiệm được chi phí sản xuất

chung, hạ giá thành sản phẩm, nên theo em công ty nên mở một số tài khoản cấp 3 đối với TK 1547.

Ý kiến 4 : Về việc vào sổ sách cho công trình

Công ty nên áp dụng việc vào sổ sách theo tháng, quý, hoặc năm như vậy sẽ đảm bảo được báo cáo tài chính định kỳ.

Ý kiến 5 : Ý kiến khác

- Luân chuyển chứng từ:

Chứng từ các công trình chuyển về phòng kế toán còn chậm chễ do công ty hiện nay thi công nhiều công trình phân tán ở nhiều nơi xa khác nhau. Do đó việc luân chuyển chứng từ cần phải có 1 quy định nghiêm túc hơn. Công ty cần đưa ra 1 thời hạn nộp chứng từ để có thể quản lý, nắm rõ tình hình hoạt động của các tổ đội.

- Vấn đề ứng dụng phần mềm kế toán ở công ty

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Do đó công việc của phòng kế toán rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán. Công ty vẫn chưa trang bị phần mềm kế toán mà chủ yếu thực hiện trên Word, Excel nên đôi khi có sai sót vì vậy theo em công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán để thực hiện công việc được chính xác nhanh chóng và tiện lợi hơn.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh

3.4.1. Về phía Nhà nước

Như chúng ta đã biết, lĩnh vực kế toán là một trong những công cụ quản lý kinh tế quan trọng giúp cho các doanh nghiệp phát triển và thành đạt. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn đang tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn kế toán để có một hệ thống kế toán riêng cho nước ta nhưng vẫn phù hợp với tiêu chuẩn chung của chuẩn mực quốc tế. Với mục tiêu là tạo ra

khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra một phương pháp kế toán phù hợp với doanh nghiệp của mình, Nhà nước đã không ngừng đổi mới, hoàn thiện các chuẩn mực kế toán một cách hợp lý nhất. Chính vì thế, ngay tại các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình nhưng vẫn đảm bảo những quy định chung của Nhà nước.

3.4.2. Về phía doanh nghiệp

Đứng trước những thay đổi mới của nền kinh tế đất nước và chính sách kinh tế mở của Đất nước, Công ty nên tìm ra các biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình. Bên cạnh đó, bộ phận kế toán phải luôn theo sát sự thay đổi trong chuẩn mực kế toán, các thông tư hướng dẫn của Nhà nước. Điều kiện quan trọng để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành nói riêng đó là:

- Công ty cần tuyển chọn và đào tạo các cán bộ công nhân viên có trình độ, năng lực cao, tiếp thu và nhạy bén với các quá trình công nghệ mới, theo kịp thời đại về khoa học kỹ thuật.

- Thường xuyên đưa ra các biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh và mở ra các hướng đi mới để có thể thu hút nhà đầu tư, khách hàng trong và ngoài nước. Có như vậy ta mới có cơ hội học hỏi và rút ra những kinh nghiệm trong công tác quản lý của mình.

Kết Luận

Trong nền kinh tế thị trường, với sự cạnh tranh lành mạnh hiện nay một Công ty chỉ có thể tồn tại và đứng vững được khi biết kết hợp sử dụng đúng đắn các yếu tố đầu vào, đảm bảo chất lượng đầu ra và tự cân đối hạch toán kinh tế. Để làm được điều này, thông tin kinh tế giữ vai trò quan trọng trong việc chi phối các quyết định của lãnh đạo. Nó gắn liền với công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các DNSX nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng.

Chi phí sản xuất luôn gắn liền với việc sử dụng tài sản, vật tư, lao động trong sản xuất. Việc tính đúng tính đủ giá thành sản phẩm tạo điều kiện để Doanh nghiệp xác định đúng kết quả kinh doanh của mình. Vì thế sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí sản xuất cùng với việc phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là vấn đề cần thiết và là nhiệm vụ chủ yếu của Doanh nghiệp. Yêu cầu đặt ra là đổi mới, hoàn thiện không ngừng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp kinh doanh xây lắp nói riêng và các Doanh nghiệp sản xuất nói chung để thích ứng với yêu cầu quản lý trong cơ chế mới.

Sau thời gian thực tập tại Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Nam Anh, được hiểu hơn về thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và các doanh nghiệp xây lắp nói chung. Có những ưu điểm và tồn tại những hạn chế nhất định. Qua đó, em hy vọng sẽ có những hoạch định riêng cho công việc sau này của mình. Trong thời gian thực tập tại công ty, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình của các Chị tại phòng Kế toán – Tài chính của công ty. Trong quá trình báo cáo thực tập tại trường, em xin chân thành cảm

ơn sự chỉ bảo tận tâm của Cô giáo – TS. Giang Thị Xuyên là giáo viên trực tiếp hướng dẫn Khóa luận cho em.